TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN S – TP. ĐÀ NẴNG

Bản án số: 61/2019/HSST
Ngày: 01/8/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phước Hòa.

Thẩm phán: Bà Hồ Thị Mỹ Dung

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đời.

2. Ông Hà Đồng Tịnh.

3. Bà Dương Thị Bình.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành - Cán bộ Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Thái Hồng Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 57/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **NGUYỄN THANH H**. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 24 tháng 3 năm 1971, tại: Hà Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 31 (nay là tổ 17) phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở hiện nay: 63 Tô Hiến Thành, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Giám đốc Công ty cổ phần T; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu T và bà Trần Thị Kim T (chết); gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ là Nguyễn Thị Bích K (sinh năm: 1976) và 2 con sinh năm: 2001, 2005; tiền sự: chưa, tiền án: chưa;

Bị cáo bị bắt từ ngày 19/12/2017, đến 17.5.2018 thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp bảo lĩnh, theo Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn số 05 ngày 17.5.2018 của Viện KSND quận S.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. **NGUYỄN THỊ T**. Tên gọi khác: không. Sinh ngày 05 tháng 06 năm 1988, tại: Hà Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Ngô Ngoại, xã B, huyện L, tỉnh Hà Nam; Chỗ ở: K36/3 đường Bắc Đẩu, phường T, quận H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kế toán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Trần Thị K; gia đình có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai; có chồng là Trần Quốc Q và 01 con sinh năm 2018; tiền sự: chưa, tiền án: chưa.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **PHẠM THỊ TUYẾT H**. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày 10 tháng 02 năm 1987, tại: Gia Lai; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chổ ở: số 08 đường Cẩm Nam 4, tổ 46 (cũ), nay là tổ 55, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Huấn luyện Yoga; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc A và bà Nguyễn Thị P; gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; có chồng là Hồ Tiến N và 02 con sinh năm 2011, 2014; tiền sự: chưa, tiền án: chưa.

Bị cáo hiện đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T:* Luật sư Võ Văn T. Địa chỉ: Văn phòng luật sư T và cộng sự (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1987; Địa chỉ: tổ 179 phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng.

2. Chị Trần Thị Thu H - Sinh năm: 1979; Địa chỉ: tổ 49 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

3. Công ty cổ phần B; Địa chỉ:110 Tô Hiến Thành, phường P, quận S, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn T - Chức vụ: Giám đốc.

4. Công ty TNHH xây lắp B; Địa chỉ: 219 Tố Hữu, phường K, quận C, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Thanh T - Chức vụ: Giám đốc.

5. Công ty cổ phần xây dựng H; Địa chỉ: 158 Nguyễn Đình Tựu, phường A, quận T, TP Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Phú C - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Lê Thị C - Kế toán.

6. Ông Trương Kim Đ - Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng H ; Địa chỉ: tổ 145 phường H , quận L , thành phố Đà Nẵng.

7. Bà Lê Thị C - Kế toán Công ty cổ phần xây dựng H ; Địa chỉ: tổ 134 phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng.

8. Ông Trần Phước N (Nguyên Giám đốc Công ty cổ phần TV-TK-XD N - đã giải thể). Địa chỉ: 269 Hoài Thanh, phường M, quận N, Tp. Đà Nẵng.

9. Công ty TNHH Đầu tư và phát triển công nghệ S; Địa chỉ: 428 Điện Biên Phủ, phường Đ, quận T, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Anh T - Giám đốc.

10. Công ty CP TVĐT&XD; Địa chỉ: số 148 đường Kỳ Đồng, quận T, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Thụy A. Địa chỉ: tổ 21A, phường T, quận H , thành phố Đà Nẵng.

11. Anh Đỗ Gia B. Sinh năm: 1982; Địa chỉ: H45/15 Trần Quang Khải, T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

12. Công ty cổ phần S. Địa chỉ: Tổ 4, phường B, quận L , TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn B - Giám đốc.

13. Công ty TNHH MTV L. Địa chỉ: Thôn Phú Sơn 1, xã K, huyện V, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Lê Hồng L - Giám đốc.

14. Công ty TNHH MTV XD M. Địa chỉ: K07/2 Phạm Cự Lượng, phường Đ, quận S, TP. Đà Nẵng (từ tháng 4/2016 đổi tên thành công ty P. Địa chỉ: 72 Bùi L, phường N, quận S, TP. Đà Nẵng). Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đình P - Giám đốc.

15. Công ty cổ phần T. Địa chỉ: 115 Ông Ích Khiêm, phường T, quận H , TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu D - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc. Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Võ Thị Thanh K – Phó giám đốc.

16. Công ty TNHH MTV XD và TM S. Địa chỉ: 211/29 Nguyễn Văn Thoại, phường P, quận S, TP Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Dương Ngọc L - Giám đốc.

17. Công ty cổ phần H. Địa chỉ: 118 Phạm Phú Tiết, phường K, quận C, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hữu H- Giám đốc.

18. Công ty TNHH T. Địa chỉ: H84/50 K408 Hoàng Diệu, phường B, quận H, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thành T- Giám đốc.

19. Công ty cổ phần T. Địa chỉ: 43 Đinh Tiên Hoàng, phường T, quận T, TP. Đà Nẵng (tên cũ Công ty cổ phần V). Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Hữu P - Giám đốc.

20. Ông Ngô Anh T (Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần T). Địa chỉ: 257/7 Đống Đa, phường T, quận H , thành phố Đà Nẵng.

21. Công ty TNHH xây dựng và thương mại K. Địa chỉ: 361 Lê Duẩn, phường T, quận T, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Gia P- Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc.

22. Công ty CP công nghệ và truyền thông S. Địa chỉ: 70 An Dương, phường Y, quận T, TP. Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Thị Ng - Giám đốc.

23. Công ty TNHH một thành viên N. Địa chỉ: 74 Chu Văn An, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai. Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang H - Giám đốc.

24. Công Ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng V. Địa chỉ: 174 Lê Đình Lý, phường H, quận H , TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Hoài C- Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người được ủy quyền tham gia tố tụng: ông Nguyễn Văn B. Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh công Ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng V – Xí nghiệp 103.

25. Ông Nguyễn Đức L - Phụ trách đội thi công số 6 của Xí nghiệp 103 thuộc Công Ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng V. Địa chỉ: 496 Phạm Văn Đồng, phường Đ, TP. Pleiku, tỉnh Gia Lai.

26. Công ty cổ phần N. Địa chỉ: Thôn Hà Quang, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Quang D, Địa chỉ: tổ 41 phường Thọ Quang, quận S, thành phố Đà Nẵng - Giám đốc.

27. Bà Tạ Thị Thu T- Địa chỉ: 122 Lê Tấn Trung, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

28. Công ty TNHH xây dựng và thương mại N. Địa chỉ: tổ 27, phường H, quận C, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hải L - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc.

29. Hộ kinh doanh K. Địa chỉ: khu phố Hòa Khánh, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Đại diện hộ gia đình: Ông Đặng Xừ K. Địa chỉ: 29/2 Khu phố 2 phường T, thị xã, tỉnh Bình Dương.

30. Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ V. Địa chỉ: C54 Chòm Sao, khu phố Hưng Lộc, phường H, TX T, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lưu Thị Lệ H.

31. Công ty TNHH MTV P. Địa chỉ: Thôn Đức Trọng, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế. Người đại diện theo pháp luật: ông Hồ A- Giám đốc.

32. Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng và dịch vụ thương mại C. Địa chỉ: 34 Lê Thanh Nghị, phường H , quận H, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Huỳnh Đắc H - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm giám đốc (Công ty hiện không hoạt động tại địa điểm đăng ký kinh doanh).

33. Công ty cổ phần xây dựng nhà T. Địa chỉ: 514 Hùng Vương, phường A, TP. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: ông Trịnh Xuân Đ - Giám đốc.

34. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ P. Địa chỉ: 139 Phó Đức Chính, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật là ông Phan Đoàn Việt S (đã thông báo dừng hoạt động từ ngày 19/10/2017, Công ty hiện không có trụ sở tại địa điểm đăng ký kinh doanh).

35. Công ty TNHH Thương mại dịch vụ P. Địa chỉ: tổ 17, phường H, quận C, TP. Đà Nẵng (Công ty hiện không có trụ sở tại địa điểm đăng ký kinh doanh).

36. Công ty cổ phần thương mại dịch vụ C. Địa chỉ: Khách sạn Golden Sand, đường Thanh Niên (nay là đường Âu Cơ), thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Đức T- Chủ tịch Hội đồng quản trị (Công ty đã thông báo tạm dừng hoạt động từ tháng 10/2017 cho đến nay, hiện không có trụ sở tại địa điểm đăng ký kinh doanh).

37. Công ty TNHH xây dựng dịch vụ thương mại V. Địa chỉ: 574/15/31 đường Sinco, khu phố 4, phường B, quận B, TP. Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: ông Đinh Quang H- Giám đốc.

38. Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ N. Địa chỉ: 69 Tôn Thất Đạm, quận T, Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Thị Minh T- Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Địa chỉ: tổ 139 Xuân Thiều, phường H, quận L , thành phố Đà Nẵng.

39. Bà Lê Thị Minh T. Địa chỉ: 69 Tôn Thất Đạm, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng.

40. Công ty TNHH một thành viên H. Địa chỉ trụ sở chính: 99 Lê Duẩn, phường C, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Bùi Hoàng T - Chủ tịch công ty.

41. Công ty TNHH K. Địa chỉ: 20 Bùi Chát, quận L , thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Khánh H- Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

42. Công ty TNHH MTV TM và DV T.B.L. Địa chỉ: thôn Ban Mai, xã B, huyện Đ, Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh H - Sinh năm: 1972; Địa chỉ: Khu B tập thể địa chất, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

43. Ông Nguyễn Phước Avà bà Nguyễn Thị Ý N. Địa chỉ cũ: Tổ 15, Khái Tây 2, Phường H, quận N, TP. Đà Nẵng. Địa chỉ hiện nay: 45 Phạm Tứ, phường K , quận C, thành phố Đà Nẵng.

44. Bà Hồ Thị Ánh V(người đại diện theo pháp luật của Công ty A, đã giải thể). Địa chỉ: K569 H07/24 Trần Cao Vân, Đà Nẵng.

45. Công ty TNHH TM và DV T.L. Địa chỉ: Tổ 40, phường H , quận C, TP Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh D - Giám đốc.

46. Công ty TNHH TM và DV H. Địa chỉ: 435 Phạm Hùng, quận C, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Võ Thị T- Giám đốc.

47. Bà Tôn Thị T. Địa chỉ: Tổ 7 thôn Miếu Bông, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

48. Ông Bùi Việt T- Chủ doanh nghiệp tư nh T. Địa chỉ: 184 Huỳnh Tấn Phát, phường K , quận C, TP. Đà Nẵng.

49. Ông Mai Hồng T- Chủ doanh nghiệp tư nh M. Địa chỉ: 118 Nguyễn Phan Vinh, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

50. Bà Mai Kim T. Địa chỉ: số 01 Khúc Hạo, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng.

51. Công ty TNHH T. Địa chỉ: 477 Núi Thành, phường H, quận H , TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm N giám đốc. Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Trần Thị Kim N- Nh viên Công ty.

52. Bà Trần Thị Kim N. Địa chỉ: 88 Ỷ Lan Nguyên Phi, phường H , quận H , thành phố Đà Nẵng.

53. Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ T. Địa chỉ: thôn Tân An, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: ông Phan H - Giám đốc.

54. Bà Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ T- kế toán Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ T. Địa chỉ: 59/12 Chế Lan Viên, phường M, quận N, thành phố Đà Nẵng.

55. Công ty TNHH T. Địa chỉ trụ sở công ty: 26 Nguyễn Đình Chiểu, phường K, quận N, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T- Giám đốc.

56. Công ty cổ phần Q. Địa chỉ: tổ 133, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Công T - Giám đốc.

57. Bà Nguyễn Thị L - Nh viên bán hàng Công ty cổ phần Q. Địa chỉ: 256 Lê Văn Hiến, phường K, quận N, TP. Đà Nẵng.

58. Công ty cổ phần thương mại X. Địa chỉ: 224 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường T, quận T, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H- Giám đốc.

59. Công ty TNHH xây dựng và thương mại N. Địa chỉ: 24 Lê Đình Dương, quận H , TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Hà Văn T - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc.

60. Công ty TNHH T. Địa chỉ: 32 Tô Hiến Thành, phường P, quận S, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Đinh Thị T - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc.

61. Công ty vật tư thiết bị H. Địa chỉ: tổ 1, phường H, quận L , TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Huy H - Giám đốc. Địa chỉ: tổ 87 phường A, quận T, TP. Đà Nẵng.

62. Công ty cổ phần công nghệ thương mại V . Địa chỉ: Lô 556 quốc lộ 5, khu 2, phường Q, quận H, TP. Hải Phòng. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Mạnh Đ. Địa chỉ: 07/1/6/59/185 Tôn Đức Thắng, phường A, quận L, TP. Hải Phòng.

63. Bà Ngô Thị T - Kế toán Công ty cổ phần công nghệ thương mại V . Địa chỉ: số 08/131 đường Hùng Duệ Vương, phường T, quận H, TP. Hải Phòng.

64. Công ty TNHH thương mai dịch vụ Q. Địa chỉ: 50 Lê Kim Lăng, phường H, quận C, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Thiếu H - Giám đốc. Địa chỉ: tổ 108 phường H, quận T, TP. Đà Nẵng.

65. Công ty TNHH MTV Đ. Địa chỉ: 04-06 Phong Bắc 3, phường H, quận C, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Phương H - Chủ tịch công ty kiêm giám đốc. Địa chỉ: tổ 5 phường H, quận C, TP. Đà Nẵng.

66. Công ty cổ phần T. Địa chỉ: 83 Dương Đình Nghệ, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc V - Giám đốc.

67. Công ty TNHH TMDV S. Địa chỉ: Thôn Ban Mai 1, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T – Giám đốc.

68. Công ty TNHH MTV TMDV N. Địa chỉ: 89 Lê Văn Hưu, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Khắc L - Giám đốc.

69. Bà Diêm Thị H- Nh viên bán hàng Công ty TNHH MTV TMDV N. Địa chỉ: tổ 24 phường H, quận L , TP. Đà Nẵng.

70. Bà Nguyễn Thị Ánh T - Kế toán Công ty TNHH MTV TMDV N. Địa chỉ: 89 Lê Văn Hưu, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng.

71. Công ty TNHH MTV Tiểu Phúc L. Địa chỉ: tổ 1, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Như V - Giám đốc.

72. Công ty TNHH P. Địa chỉ: Khối 7B, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H - Giám đốc.

73. Ông Lâm Gia T - Đại diện hộ kinh doanh cá thể Lâm Gia T. Địa chỉ: thôn Bồng Lai, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người được ủy quyền tham gia tố tụng: ông Lâm Tăng V. Địa chỉ: Thôn Bồng Lai, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

74. Bà Trần Thị T - Chủ Doanh nghiệp tư nh T. Địa chỉ: 749 Nguyễn Lương Bằng, phường H, quận L , TP. Đà Nẵng (Doanh nghiệp đã giải thể).

75. Ông Lê Châu Th. Địa chỉ: 749 Nguyễn Lương Bằng, phường H, quận L , TP. Đà Nẵng.

76. Công ty TNHH Nguyễn Đình C. Địa chỉ: Thôn Trung Phú 1, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình C - Giám đốc.

77. Công ty TNHH MTV TM & DV tổng hợp P. Địa chỉ: 55 Nguyễn Chánh, phường H, quận L , TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Giám đốc. Địa chỉ cư trú: Tổ 37 Đa Phước 2, phường H, quận L , thành phố Đà Nẵng.

78. Ông H - giám đốc Doanh nghiệp tư nh B. Địa chỉ: 92 Đỗ Thúc Tịnh, TP. Đà Nẵng.

79. Bà Nguyễn Thị B. Địa chỉ: 130/H12/10 Điện Biên Phủ, tổ 39, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng.

80. Công ty TNHH G. Địa chỉ: 50 Thái Phiên, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị Hồng T - Giám đốc.

81. Công ty TNHH H. Địa chỉ: 78 Nam Cao, phường H, quận L , TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Vĩnh T - Giám đốc.

82. Bà Nguyễn Thị T. Địa chỉ: 78 Nam Cao, phường H, quận L , TP. Đà Nẵng.

83. Công ty TNHH MTV TM và DV Nh. Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Ái Nghĩa, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H. Địa chỉ: 35 Nguyễn Tất Thành, Khu 2, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

84. Công ty TNHH XDTM và DV T. Địa chỉ: 49 Tân An 3, phường H , quận H , TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Thanh T - Giám đốc.

85. Công ty TNHH MTV XD và TM L. Địa chỉ: Tổ 100, phường H , quận L . TP Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Bá P - hiện đang thi hành án tại Trại giam B.

86. Công ty TNHH MTV XD và TM Phúc Thiên L. Địa chỉ: Tổ 25, phường T, quận T, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Lê Tường Phúc H.

87. Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại G. Địa chỉ công ty: 51 Cù Chính Lan, phường H, quận T, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Hồ Lê K - Giám đốc. Địa chỉ nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 06 Vĩnh Điềm Trung, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Công ty hiện đang tạm ngừng hoạt động).

88. Ông Nguyễn Văn H và bà Cao Thị M (Công ty T đã giải thể). Địa chỉ: 569/18 Trần Cao Vân, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng.

89. Bà Thái Thị Thủy T - (Chủ tịch HĐTV kiêm giám đốc công ty TNHH DLG, đã thông báo ngừng hoạt động từ ngày 01/12/2014). Địa chỉ: 99/12 Hà Huy Tập, quận T, thành phố Đà Nẵng.

90. Ông Mai Thanh T - chủ Doanh nghiệp tư nh Mai Thanh T. Địa chỉ: thôn Nông Sơn 2, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (Doanh nghiệp đã giải thể từ năm 2017).

91. Công ty TNHH TM & DV B. Địa chỉ: công ty: 123 Nguyễn Phước Nguyên, phường A, quận T, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Tú N - Giám đốc. Địa chỉ: 598 Văn Tiến Dũng, phường H , quận C, thành phố Đà Nẵng.

92. Công ty cổ phần Đ - BQP. Địa chỉ: 94, tổ 4, khu 6A, phường C, TP. C, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn D - Tổng giám đốc.

93. Công ty TNHH Đầu tư và phát triển 1. Địa chỉ: tổ 9, khu 5, phường Y, TP. H, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Văn T - Giám đốc. Địa chỉ: tổ 69, khu 6, phường C, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

94. Công ty TNHH MTV An Nam Xuân P. Địa chỉ: Thôn 12, xã X, huyện S, Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn C - Giám đốc.

95. Công ty TNHH Thạnh T. Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam. Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thu Tr - Giám đốc.

96. Công ty TNHH Long Đại P. Địa chỉ: 99 Bãi Sậy, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Trương Ngọc H- Giám đốc (Công ty TNHH Long Đại P đã bỏ địa chỉ kinh doanh từ năm 2015).

97. Công ty TNHH Bình D. Địa chỉ: 48 Ngô Thị Liễu, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Mỹ D - Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm giám đốc (Công ty tạm dừng hoạt động từ 01.01.2018).

98. Ông Nguyễn Thành T (nguyên giám đốc Công ty TNHH MTV Nguyễn Thành T đã giải thể). Địa chỉ: thôn Ngọc Kinh Đông, xã Đại H, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

99. Bà Nguyễn Thị Bích K. Địa chỉ: 63 Tô Hiến Thành, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng.

100. Ông Từ Â. Địa chỉ: tổ 05 Hòa Thọ T, quận C, thành phố Đà Nẵng.

101. Ông Nguyễn Văn K. Địa chỉ: Thôn Giáng Đông, xã Hòa C, huyện Hòa V, thành phố Đà Nẵng.

102. Ông Hà Lại. Địa chỉ: tổ 118 phường H , quận H, thành phố Đà Nẵng.

103. Ông Lê Viết K. Địa chỉ: Tịnh An, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

104. Ông Hoàng Xuân N. Địa chỉ: số 16, tổ 3, phường Q, quận C, thành phố Hà Nội.

105. Ông Nguyễn Tr. Địa chỉ: tổ 70 phường H, quận L , thành phố Đà Nẵng.

106. Công ty cổ phần Th. Địa chỉ: 307 Ngô Quyền, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Thanh G - Giám đốc.

(tất cả người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại và Dịch vụ T (gọi tắt là Công ty T), mã số doanh nghiệp: 0401378381 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 09/9/2010, địa chỉ: số 63 Tô Hiến Thành, TP. Đà Nẵng, vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng, người đại diện pháp luật: Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1971, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 31, phường H, quận H , thành phố Đà Nẵng. Ngành nghề kinh doanh: xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt, đường bộ, bán lẻ vật liệu xây dựng, bán buôn hóa chất thông thường: nhựa đường, hạt nhựa, giấy, đất sét, cao lanh...

Công ty T hoạt động kinh doanh từ tháng 9/2010 đến tháng 01/2013 nhưng không hiệu quả. Do vậy, từ quý II/2013 đến năm 2016, Nguyễn Thanh H trực tiếp và thông qua môi giới là Phạm Thị Tuyết H, Nguyễn Thị L và các đối tượng H1, H2, Anh (không rõ nh thân, lai lịch) mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng, việc mua bán hóa đơn có sự giúp sức của Nguyễn Thị T (kế toán Công ty T). Khi bị phát hiện, Nguyễn Thanh H đã tiêu hủy toàn bộ hóa đơn chứng từ, sổ sách kế toán có liên quan. Qua làm việc với Chi cục thuế quận S, Cơ quan điều tra đã thu thập tờ khai thuế, bảng kê hóa đơn hàng hóa, dịch vụ mua vào, bán ra của Công ty T và xác định được hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng như sau:

1/ Về bán hóa đơn giá trị gia tăng:

Nguyễn Thanh H bán trái phép 80 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty T với các mặt hàng than, đất, vận chuyển, nh công cho 29 đơn vị với tổng doanh số chưa thuế là: 10.799.046.634 đồng. Cụ thể:

- ***Công ty cổ phần B*** ; Địa chỉ:110 Tô Hiến Thành, phường P, quận S, TP Đà Nẵng: Ông Võ Văn T - Giám đốc Công ty cổ phần B khai nhận mua trái phép 03 hóa đơn giá trị gia tăng lần lượt có số 176 ngày 29.5.2013; số 364 ngày 03.10.2014; số 365 ngày 05.10.2014 của Công ty THA có tổng doanh số chưa thuế là: 1.046.927.272 đồng với giá là 9% để hợp thức chi phí nh công, số tiền mua hóa đơn là: 94.223.000 đồng. Việc mua hóa đơn trên thông qua người môi giới là Nguyễn Thị L, L mua của H 03 hóa đơn trên với giá 8% bán lại 9% hưởng lợi 1%, trong đó trả cho Phạm Thị Tuyết H 0,3% để H hợp thức hóa chứng từ qua ngân hàng, thực tế L đã hưởng lợi 0,7%, tương đương với số tiền 7.328.490 đồng. Trong 3 hóa đơn trên, Hải chỉ đạo cho Nguyễn Thị T ghi 01 hóa đơn số 176 ngày 29.5.2013 với doanh số trước thuế là: 640.000.000 đồng. Với việc bán trái phép 03 hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty cổ phần B, Nguyễn Thanh H đã thu lợi bất chính với số tiền: 83.754.181 đồng.

- ***Công ty TNHH xây lắp B*** ; Địa chỉ: 219 Tố Hữu, phường K , quận C, TP Đà Nẵng: Ông Hoàng Thanh T - Giám đốc Công ty TNHH xây lắp B khai nhận mua trái phép 04 hóa đơn giá trị gia tăng có các số 173 ngày 15.5.2013; số 178 ngày 05.6.2013; số 207 ngày 06.8.2013; số 211 ngày 30.8.2013 của Công ty T, với tổng doanh số chưa thuế là: 719.184.239 với giá là 12% để hợp thức chi phí nh công thuê ngoài, số tiền mua hóa đơn là: 86.302.000 đồng. Việc mua 04 hóa đơn trên thông qua người quen là chị Trần Thị Thu H (Sinh năm: 1979, trú: Tổ 49, phường H , Đà Nẵng). Qua điều tra, Phạm Thị Tuyết H khai nhận đã môi giới mua 4 hóa đơn giá trị gia tăng trên của Nguyễn Thanh H với giá 8% so với doanh số chưa thuế, Phạm Thị Tuyết H bán lại cho chị Trần Thị Thu H giá 8,5%, hưởng lợi 0,5%. Chị Trần Thị Thu

H khai nhận: Thông qua Phạm Thị Tuyết H đã mua giúp cho ông Hoàng Thanh T 04 hóa đơn giá trị gia tăng trên với giá 12% so với doanh số chưa thuế, không hưởng tiền phần trăm chênh lệch vì giữa ông T và chị H có quan hệ trong gia đình. Với việc bán trái phép 04 hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty TNHH xây lắp B , Nguyễn Thanh H đã thu lợi bất chính với số tiền: 57.534.739 đồng; Phạm Thị Tuyết H hưởng lợi với tổng số tiền: 3.595.000 đồng. Tất cả 04 hóa đơn giá trị gia tăng bán cho Công ty TNHH xây lắp B , Nguyễn Thanh H đã chỉ đạo cho Nguyễn Thị T ghi để bán.

- ***Công ty cổ phần xây dựng H*** ; Địa chỉ: 158 Nguyễn Đình Tựu, phường A, quận T, TP Đà Nẵng: Ông Trương Kim Đ - Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng H đã chỉ đạo cho chị Lê Thị C, là Kế toán của Công ty mua trái phép 03 hóa đơn giá trị gia tăng có các số 170 ngày 28.4.2013; số 249 ngày 31.12.2013; số 250 ngày 31.12.2013 của Công ty THA, có tổng doanh số chưa thuế là: 470.000.000 đồng với giá 12,5% để hợp thức chi phí nh công, số tiền mua hóa đơn là 58.750.000 đồng. Qua điều tra xác định: 03 hóa đơn giá trị gia tăng trên, chị Lê Thị C mua thông qua Trần Thị Thu H (Sinh năm: 1979, trú: Tổ 49, phường H , Đà Nẵng). Chị Trần Thị Thu H khai nhận đã mua 03 hóa đơn nói trên thông qua Phạm Thị Tuyết H với giá 12%, bán lại cho chị C với giá 12,5%, hưởng lợi 0,5%. Phạm Thị Tuyết H khai nhận mua 03 hóa đơn trên của Nguyễn Thanh H với giá 8%, bán lại cho H 8,5%, hưởng lợi 0,5%. Với việc bán trái phép 03 hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty cổ phần xây dựng H , Nguyễn Thanh H đã thu lợi bất chính số tiền: 37.600.000 đồng; Phạm Thị Tuyết H hưởng lợi với số tiền: 2.350.000 đồng, Trần Thị Thu H hưởng lợi với số tiền: 2.350.000 đồng. Tất cả các hóa đơn bán cho Công ty cổ phần xây dựng H, Nguyễn Thanh H đã chỉ đạo cho Nguyễn Thị T ghi.

- ***Công ty cổ phần TV-TK-XD N***, địa chỉ: K264/H17/3 Hoàng Văn Thái, phường H, quận L , Tp. Đà Nẵng kê khai thuế đầu vào 02 hóa đơn giá trị gia tăng có các số: 377 ngày 12.11.2014; số 390 ngày 05.01.2015 của Công ty T với tổng doanh số chưa thuế 1.763.900.909 đồng. Ông Trần Phước N - Giám đốc Công ty cổ phần TV-TK-XD N khai nhận: Năm 2014, Công ty thi công hạng mục nhà xưởng tại KCN Dịch vụ Thủy sản Đ có thuê anh Q (không rõ lai lịch) thực hiện công trình và cung cấp cho anh Trần Phước N 02 hóa đơn GTGT của Công ty T, anh N không biết Công ty T cũng như người đại diện pháp luật của Công ty này. Qua điều tra, Nguyễn Thị L đã thừa nhận có mua của Nguyễn Thanh H 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng số 377 ngày 12.11.2014 với doanh số chưa thuế là: 1.329.372.727 đồng với giá 8% và bán lại cho 01 người tên T với giá 8,5%, hưởng lợi 0,5%, trong đó trả cho Phạm Thị Tuyết H 0,3% để H3 hợp thức hóa chứng từ qua ngân hàng, thực tế L đã hưởng lợi 0,2%, tương đương với số tiền 2.658.745 đồng. Với việc bán trái phép 02 hóa đơn giá trị gia

tăng cho Công ty cổ phần TV-TK-XD N, Nguyễn Thanh H đã thu lợi bất chính số tiền: 141.112.072 đồng.

- ***Công ty TNHH Đầu tư và phát triển công nghệ S***; Địa chỉ: 428 Điện Biên Phủ, P. T, quận T, Tp. Đà Nẵng**:** Ông Ngô Anh T - Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và phát triển công nghệ S khai nhận mua trái phép 02 hóa đơn giá trị gia tăng có các số: 240 ngày 02.12.2013; số 246 ngày 31.12.2013 của Công ty T, có tổng doanh số chưa thuế là: 141.556.000 đồng, với giá 12% để hợp thức chi phí nh công thuê ngoài, số tiền mua hóa đơn là 16.986.000 đồng. Anh Nguyễn Thành N - Kỹ sư của Công ty TNHH Đầu tư và phát triển công nghệ S là người mua hóa đơn, hiện nay N đã nghỉ làm việc, xác minh tại địa chỉ được ghi trên hợp đồng lao động giữa công ty và Nguyễn Thành N thì N không có ở địa chỉ nơi cư trú. Khi bán trái phép 02 hóa đơn giá trị gia tăng trên, Nguyễn Thanh H đã chỉ đạo cho Nguyễn Thị T ghi.

- ***Xí nghiệp tư vấn và thiết kế II***; Địa chỉ: Số: 517 Trần Cao Vân, phường X, quận T, Tp. Đà Nẵng: Ông Phạm Thụy A - Giám đốc Xí nghiệp tư vấn và thiết kế II khai nhận đã mua trái phép 01 hóa đơn giá trị gia tăng có số 248 ngày 31.12.2013 của Công ty T, có doanh số chưa thuế là: 136.363.636 đồng, với giá là 10% để hợp thức chi phí nh công thuê ngoài, số tiền mua hóa đơn là 13.600.000 đồng. Việc mua hóa đơn trên là do Đỗ Gia B - Kế toán của Xí nghiệp đã liên hệ mua của 1 người tên Ng (không rõ nh thân, lai lịch). Khi bán hóa đơn trên cho Xí nghiệp tư vấn và thiết kế II, Nguyễn Thanh H đã chỉ đạo cho Nguyễn Thị T ghi.

- ***Công ty cổ phần S***; Địa chỉ: Tổ 4, phường H, quận L, Tp. Đà Nẵng: Ông Trần Văn B - Giám đốc Công ty cổ phần S khai nhận đã mua trái phép 05 hóa đơn giá trị gia tăng có các số 234 ngày 18.11.2013, số 238 ngày 27.11.2013; số 335 ngày 18.6.2014; số 372 ngày 30.10.2014; số 398 ngày 14.3.2015 của Công ty T, có tổng doanh số chưa thuế là: 897.727.273 đồng với giá là 8% để hợp thức đầu vào, số tiền mua hóa đơn là 71.818.181 đồng. Trong 05 hóa đơn giá trên gia tăng trên, Nguyễn Thị L đã mua giúp cho ông Trần Văn B 04 hóa đơn có doanh số chưa thuế là: 806.818.182 đồng (không hưởng phần trăm chênh lệch) và ông Trần Văn B trực tiếp liên hệ với Nguyễn Thanh H mua 01 hóa đơn. Với việc bán trái phép 05 hóa đoncho Công ty cổ phần S, Nguyễn Thanh H thu lợi bất chính số tiền: 71.818.181 đồng. Khi bán 05 hóa đơn trên cho Công ty cổ phần S, Nguyễn Thanh H chỉ đạo cho Nguyễn Thị T ghi 3 hóa đơn với tổng doanh số chưa thuế là: 606.818.182 đồng.

- ***Công ty TNHH MTV L***; Địa chỉ: Thôn Phú Sơn 1, xã Hòa K, huyện V, TP. Đà Nẵng**:** Ông Trần Lê Hồng L - Giám đốc TNHH MTV L khai nhận mua trái phép 02 hóa đơn giá trị gia tăng có các số 167 ngày 18.4.2013; số 169 ngày 28.4.2013 của Công ty T, với tổng doanh số chưa thuế là: 272.727.273 đồng, số tiền mua hóa đơn là

30.000.000 đồng. Việc mua hóa đơn trên thông qua 01 người môi giới tự xưng là kế toán của Công ty T (không rõ nh thân, lai lịch). Các hóa đơn trên, Nguyễn Thanh H đã chỉ đạo cho Nguyễn Thị T ghi để bán.

- ***Công ty TNHH MTV XD M***, Địa chỉ cũ: K07/2 Phạm Cự Lượng, phường A, quận S, Tp. Đà Nẵng (từ tháng 4/2016 đổi tên thành công ty P; Địa chỉ: 72 Bùi Lâm, phường N, quận S, Tp. Đà Nẵng): Ông Phan Đình P - Giám đốc TNHH MTV XD M khai nhận mua trái phép 01 hóa đơn giá trị gia tăng có số 185 ngày 29.6.2013 của Công ty T, có doanh số chưa thuế là: 163.636.364 đồng, với giá 12% giá trị trước thuế thông qua một người tên T (không xác định được nh thân, lai lịch), số tiền mua hóa đơn là 19.636.000 đồng. Hóa đơn trên, Nguyễn Thanh H đã chỉ đạo cho Nguyễn Thị T ghi để bán.

- ***Công ty cổ phần Tr***, địa chỉ: 115 Ông Ích Khiêm, phường T , quận H , Tp. Đà Nẵng kê khai thuế đầu vào 05 hóa đơn GTGT có các số 191 ngày 01.7.2013; số 192 ngày 03.7.2013; số 193 ngày 08.7.2013; số 194 ngày 10.7.2013; số 195 ngày 18.7.2013 của Công ty T với tổng doanh số chưa thuế là 305.454.545 đồng. Ông Nguyễn Hữu D - Người đại diện pháp luật của Công ty cổ phần Tr khai: Đã giao cho anh Hà L - Cán bộ kỹ thuật của công ty tìm đội nh công để thực hiện công trình. Làm xong họ cung cấp hóa đơn của Công ty T để thanh toán; ông D không biết Công ty T cũng như người đại diện pháp luật của Công ty này. Khi bán 05 hóa đơn trên, Nguyễn Thanh H đã chỉ đạo cho Nguyễn Thị T ghi.

- ***Công ty TNHH MTV XD và TM S***, địa chỉ: 211 Nguyễn Văn Thoại, phường P, quận S, TP. Đà Nẵng kê khai thuế đầu vào 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 219 ngày 28.9.2013 của Công ty T với doanh số chưa thuế là: 239.545.455 đồng. Ông Dương Ngọc L – Giám đốc TNHH MTV XD và TM S khai nhận: Năm 2013, Công ty có thi công công trình hạ tầng kỹ thuật tại Khu tái định cư H, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình thi công về phần nh công giao lại cho anh Thịnh (không rõ lai lịch) để thực hiện và anh T có giao cho ông Dương Ngọc L 01 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty T. Ông L không biết Công ty T cũng như người đại diện pháp luật của Công ty này. Khi bán hóa đơn trên, Nguyễn Thanh H đã chỉ đạo cho Nguyễn Thị T ghi.

- ***Công ty cổ phần T***, địa chỉ: 43 Đinh Tiên Hoàng, phường T, quận K, Tp. Đà Năng (tên cũ Công ty cổ phần Tích hợp vi mạch V) kê khai thuế đầu vào 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng số 239 ngày 30.11.2013 của Công ty T, có doanh số chưa thuế là: 321.734.000 đồng. Ông Ngô Anh T – Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần T khai: Tháng 10 năm 2013, ông T chỉ đạo cho bà L - kế toán của Công ty mua hóa đơn hợp thức cho chi phí thi công thuê ngoài. Chi phí mua hóa đơn là 12%, tương ứng 38.600.000 đồng.

- ***Công ty TNHH T***, địa chỉ: H84/50 K408 Hoàng Diệu, phường B, quận H , TP Đà Nẵng kê khai thuế đầu vào 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 038 ngày 30.11.2015 của Công ty T, có doanh số chưa thuế là: 163.200.000 đồng. Ông Nguyễn Thành T– Giám đốc Công ty TNHH T khai nhận: Năm 2015, Công ty thi công công trình Huyện ủy huyện P, tỉnh Quảng Nam và có liên hệ với anh G để mua ngói thực hiện công trình. Sau khi giao nhận hàng hóa xong, anh G giao 01 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty T xuất cho Công ty T. Ông T không biết Công ty THA cũng như người đại diện pháp luật của Công ty này.

- ***Công ty cổ phần H***, địa chỉ: 118 Phạm Phú Tiết, Phường K, quận C, TP Đà Nẵng kê khai thuế đầu vào đối với 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 171 ngày 29.4.2013 của Công ty T với doanh số chưa thuế là: 428.885.604 đồng. Ông Nguyễn Hữu H– Giám đốc Công ty cổ phần H khai nhận: Đã giao cho nhviên của Công ty là anh Huỳnh Minh N tìm đơn vị giao khoán phần nh công lắp đặt hệ thống phòng cháy chữa cháy tại nhà máy Crow New Can – KCN L, TP Đà Nẵng. Công ty hợp đồng với Nguyễn Văn K (không rõ lai lịch) thực hiện dự án và khi nghiệm thu quyết toán công trình có kèm theo 01 hóa đơn của Công ty T mà không rõ hóa đơn có nguồn gốc từ đâu.

- ***Công ty TNHH MTV N***, địa chỉ: 74 Chu Văn An, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai kê khai thuế đầu vào 14 hóa đơn giá trị gia tăng có các số lần lượt là: số 070 ngày 26.01.2016; số 073 ngày 27.01.2016; số 085 ngày 18.3.2016; số 087 ngày 19.3.2016; số 120 ngày 11.5.2016; số 121 ngày 12.5.2016; số 128 ngày 27.5.2016; số 132 ngày 03.6.2016; số 134 ngày 09.6.2016; số 142 ngày 20.6.2016; số 144 ngày 21.6.2016; số 145 ngày 21.6.2016; số 146 ngày 22.6.2016; số 153 ngày 27.6.2016 của Công ty T, có tổng doanh số chưa thuế là: 210.909.089 đồng. Ông Bùi Quang H – Giám đốc Công ty TNHH MTV N khai nhận: Tháng 1 năm 2016, Công ty có mua thép của Công ty TNHH MTV H, địa chỉ: 214 Trần Cao Vân, Đà Nẵng để bán cho Xí nghiệp 103. Ông Bùi Quang H liên hệ một vài người (không rõ nh thân) để thuê xe vận chuyển số hàng trên. Sau đó, tài xế xe vận chuyển đã giao các hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty T cho kế toán công ty và thanh toán tiền cước vận chuyển cho lái xe. Hiện nay, ông H không biết tài xế tên gì và ở đâu. Ông H không biết Công ty T cũng như người đại diện pháp luật của Công ty này.

- ***Công Ty TNHH MTV Đầu tư Xây dựng V(Xí nghiệp 103)***, địa chỉ: 496 Phạm Văn Đồng, phường Đ, TP. P, tỉnh Gia Lai kê khai thuế đầu vào 04 hóa đơn giá trị gia tăng có các số: 072 ngày 27.01.2016; số 074 ngày 28.01.2016; số 086 ngày 19.3.2016; số 088 ngày 20.3.2016 của Công ty T , có tổng doanh số chưa thuế là: 71.000.000 đồng. Ông Nguyễn Đức L - Phụ trách đội thi công số 6 của Xí nghiệp 103

khai nhận: Tháng 01/2016, Xí nghiệp 103 mua thép của Công ty TNHH MTV N, ông L là người trực tiếp liên hệ và nhận hàng từ Công ty TNHH MTV N. Đơn vị vận chuyển của Xí nghiệp 103 nhờ đơn vị bán hàng thuê giúp tài xế để vận chuyển, tài xế liên lạc với ông L để giao hàng và khi giao hàng có giao cho ông L 04 hóa đơn vận chuyển của Công ty T xuất cho Xí nghiệp 103 và thanh toán bằng tiền mặt cho tài xế. Ông L không biết Công ty T cũng như người đại diện pháp luật của Công ty này.

- ***Công ty cổ phần N***, địa chỉ: Thôn Hà Quang, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam kê khai thuế đầu vào 02 tờ hóa đơn giá trị gia tăng có các số: 158 ngày 13.3.2013; số 161 ngày 25.3.2016 của Công ty T với tổng doanh số chưa thế là: 530.909.091 đồng. Bà Tạ Thị Thu T– Giám đốc Công ty cổ phần N trình bày: Đã giao cho ông Nguyễn Văn L, nh viên của Công ty tìm nh công thực hiện 02 hạng mục phòng chống bão và dọn dẹp sau bão tại Khách sạn Golden S, TP H, tỉnh Quảng Nam. Công ty cổ phần N đã ký kết các Hợp đồng số: 01/2013/NT-THA ngày 1/3/2013 và hợp đồng số: 03/2013/NT-THA ngày 14/3/2013 cho hai hạng mục nói trên. Ông L là người trực tiếp làm việc và giám sát thi công công trình. Sau khi hoàn thành, Công ty cổ phần N đã thanh toán đầy đủ cho Công ty T qua tài khoản ngân hàng. Bà T không biết gì về Công ty T cũng như nguồn gốc 02 tờ hóa đơn. Nguyễn Thanh H khai nhận đã bán trái phép 02 hóa đơn giá trị gia tăng trên cho Công ty cổ phần N.

- ***Công ty TNHH MTV P***, địa chỉ: Thôn Đức Trọng, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế kê khai thuế đầu vào 07 tờ hóa đơn giá trị gia tăng có các số: 326 ngày 09.6.2014; số 327 ngày 10.6.2014; số 328 ngày 12.6.2014; số 332 ngày 15.6.2014; số 334 ngày 17.6.2014; số 336 ngày 18.6.2014; số 338 ngày 21.6.2014 của công ty T, với tổng doanh số trước thuế là: 93.500.000 đồng. Ông Hồ A- Giám đốc Công ty TNHH MTV P khai nhận: Công ty P không có quan hệ kinh tế, không giao dịch mua bán hàng hóa với Công ty T mà mua trái phép hóa đơn của công ty T. Ông A giao dịch trực tiếp với Nguyễn Thanh H để mua hóa đơn với chi phí 12% trên tổng giá trị hóa đơn, tương đương với số tiền là: 11.220.000 đồng. Công ty P đã kê khai 07 tờ hóa đơn nói trên vào kỳ khai thuế quý II/2014.

- ***Công ty cổ phần xây dựng nhà T***, địa chỉ: 514 Hùng Vương, phường S, TP T, tỉnh Quảng Nam kê khai thuế đầu vào 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng có số: 373 ngày 30.10.2014 của Công ty T với doanh số trước thuế là 621.086.784 đồng. Ông Trịnh Xuân Đ - Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng nhà T trình bày: Năm 2014, Công ty trúng thầu xây lắp hệ thống điện nhà máy may B (thuộc Công ty may H Quảng Nam) và giao phần thi công cho ông Lê P (không rõ địa chỉ cư trú), có ký kết hợp đồng kinh tế. Sau khi hoàn thành, Công ty thanh toán tiền thi công qua tài khoản ngân hàng cho Công ty T. Từ ký kết hợp đồng, giao nhận hóa đơn đều thông quan

ông P, Công ty không làm việc trực tiếp với Nguyễn Thanh H, Giám đốc Công ty T . Nguyễn Thanh H khai nhận đã bán trái phép 01 hóa đơn nêu trên cho Công cổ phần xây dựng nhà T.

- ***Cơ sở K***, địa chỉ: khu phố Hòa Khánh, phường T, thị xã T, tỉnh Bình Dương kê khai thuế đầu vào 03 tờ hóa đơn giá trị gia tăng có các số: 162 ngày 04.4.2013; số 163 ngày 05.4.2013; số 164 ngày 08.4.2013 của Công ty T với doanh số trước thuế là: 50.590.910 đồng. Ông Đặng Xừ K, chủ cơ sở cho biết: Năm 2013, cơ sở K có mua nguyên liệu gốm sứ cho một người đàn ông (không nhớ tên, không rõ lai lịch). Sau đó, cơ sở K nhận 03 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty T do người đàn ông này cung cấp và thanh toán tiền mặt. Cơ sở K không biết và không giao dịch với Nguyễn Thanh H. Nguyễn Thanh H khai nhận đã bán trái phép 03 hóa đơn nêu trên cho cơ sở K

- ***Công ty TNHH xây dựng và thương mại N***, địa chỉ: tổ 27, phường Hòa Thọ T, quận C, TP Đà Nẵng kê khai thuế đầu vào 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng có số: 049 ngày 31.12.2015 của Công ty T với doanh số trước thuế là: 549.510.000 đồng. Ông Nguyễn Hải L, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng và thương mại N cho biết: Năm 2015, có nhờ tài xế lái xe tải (không nhớ tên, không rõ lai lịch) liên hệ mua đất để Công ty thi công san lấp mặt bằng. Người tài xế này đã liên hệ mua đất và giao cho Ông L 01 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty T. Sau đó, Công ty TNHH xây dựng và thương mại N thanh toán chuyển khoản qua ngân hàng cho Công ty T. Ông L không biết và không làm việc trực tiếp với Nguyễn Thanh H. Nguyễn Thanh H khai nhận đã bán trái phép 01 hóa đơn trên cho Công ty TNHH xây dựng và thương mại N.

- ***Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng và dịch vụ thương mại C***, địa chỉ: 34 Lê Thanh Nghị, phường H , quận H, TP Đà Nẵng kê khai thuế đầu vào 02 tờ hóa đơn giá trị gia tăng có các số: 179 ngày 10.6.2013; số 180 ngày 15.6.2013 của Công ty T, với tổng doanh số chưa thuế là: 656.758.909 đồng.

Xác minh qua Chi cục Thuế quận H , được biết hiện nay Công ty C vẫn còn hoạt động nhưng kê khai thuế bằng 0, không còn phát sinh lợi nhuận.

Xác minh tại địa chỉ 34 Lê Thanh Nghị, phường H , quận H , TP Đà Nẵng được biết Công ty C không hoạt động tại địa chỉ này.

Xác minh địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú của ông Hà Đắc H, người đại diện theo pháp luật của Công ty C tại địa chỉ: xã Hành T, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi, được biết ông H đã đi làm ăn xa, không cư trú ở địa phương.

- ***Công ty TNHH TMDV P***, địa chỉ: 139 Phó Đức Chính, phường B, quận S, TP Đà Nẵng kê khai thuế đầu vào 01 hóa đơn giá trị gia tăng số 378 ngày 12.11.2014 của Công ty T với doanh số trước thuế là: 76.939.902 đồng.

Xác minh tại địa chỉ 139 Phó Đức Chính, phường B, quận S, TP Đà Nẵng, được biết tại địa chỉ này không có công ty nào hoạt động.

Xác minh qua Chi cục Thuế quận S xác định: Công ty P đã thông báo dừng hoạt động từ ngày 19/10/2017.

- ***Công ty TNHH TMDV P***, địa chỉ: tổ 17, phường Hòa Phát, quận C, TP Đà Nẵng kê khai thuế đầu vào 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng số 177 ngày 30.5.2013 của Công ty T với doanh số trước thuế là: 90.090.091 đồng.

Xác minh tại Công an phường H với kết quả: Không có Công ty P hoạt động kinh doanh ở địa chỉ tổ 17A, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị Thanh T, người đại diện theo pháp luật của công ty cũng đã cắt hộ khẩu, chuyển khỏi địa phương, hiện không rõ đi đâu, làm gì.

- ***Công ty TNHH xây dựng dịch vụ thương mại V***, địa chỉ: 574/15/31 đường Sinco, Khu phố 4, phường B, quận B, TP Hồ Chí Minh kê khai thuế đầu vào 06 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào có các số: 229 ngày 17.6.2013; số 232 ngày 12.11.2013; số 233 ngày 15.11.2013; số 235 ngày 18.11.2013; số 236 ngày 21.11.2013; số 237 ngày 26.11.2013 của Công ty T, với tổng doanh số trước thuế là: 95.454.545 đồng. Ông Đinh Quang H, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng dịch vụ thương mại V cho biết: Công ty V không có quan hệ kinh tế, không giao dịch mua bán hàng hóa với Công ty T. Năm 2015, Công ty V đã dừng hoạt động kinh doanh.

- ***Công ty TNHH xây dựng và thương mại K***, địa chỉ: 361 Lê Duẩn, phường T, quận T, TP Đà Nẵng kê khai 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào có số: 242 ngày 16.12.2013 của Công ty T, với doanh số trước thuế là 109.090.909 đồng.

Qua xác minh tại Chi cục Thuế quận T, TP Đà Nẵng xác định: Công ty K đã thông báo dừng hoạt động từ 30/11/2016. Hiện nay không xác định được nơi cư trú của ông Nguyễn Gia P - người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- ***Công ty cổ phần thương mại dịch vụ C***, địa chỉ: Khách sạn Golden S, đường Thanh Niên (nay là đường Âu Cơ), thành phố H, tỉnh Quảng Nam kê khai 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào số 184 ngày 25.6.2013 của Công ty T với doanh số trước thuế là: 415.545.455 đồng.

Qua xác minh tai Cục thuế tỉnh Quảng Nam, được biết Công ty C đã thông báo dừng hoạt động từ tháng 10/2017 và không kê khai, báo cáo thuế hàng tháng.

- ***Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ N***, địa chỉ: 69 Tôn Thất Đạm, quận T, Đà Nẵng, kê khai 02 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào có các số: 392 ngày 15.01.2015; số 415 ngày 21.01.2015 của Công ty T với tổng doanh số trước thuế là: 83.636.561 đồng. Bà Lê Thị Minh T - đại diện Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ N cho biết: Công ty có mua cát đổ nền của Công ty T để bán lại cho Công ty CPXD hạ tầng T để thi công công trình nút giao thông Ngã Ba Huế. Việc mua bán là có thật, có đầy đủ hồ sơ liên quan như hợp đồng, thanh toán qua ngân hàng, biên bản giao nhận hàng hóa. Nguyễn Thanh H khai nhận chỉ bán hóa đơn chứ không có hàng hóa.

- ***Công ty TNHH K***, địa chỉ: 20 Bùi Chát, thành phố Đà Nẵng, kê khai 02 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào có các số: 224 ngày 10.10.2013; số 225 ngày 14.10.2013 của Công ty T với tổng doanh số trước thuế là: 68.181.818 đồng. Ông Lê Khánh H - đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH K trình bày: Vào tháng 8 năm 2013 trong quá trình thi công công trình tại tỉnh Phú Yên, ông H có thuê ông Nguyễn Đăng B tháo rời các cấu kiện thép, bốc xếp đưa vào kho. Sau khi thi công, ông B giao 2 hóa đơn nh công của Công ty T cho Công ty K để thanh toán tiền công, ông H không biết ông Nguyễn Thanh H.

Riêng đối với Công ty CP công nghệ và truyền thông S, Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ V, Công ty TNHH MTV H kết quả điều tra bổ sung và diễn biến tại phiên tòa thể hiện như sau:

- ***Công ty CP công nghệ và truyền thông S***, địa chỉ: 70 An Dương, phường Y, quận T, TP Hà Nội kê khai thuế đầu vào 12 hóa đơn giá trị gia tăng có các số lần lượt là 045 ngày 23.12.2015; số 046 ngày 30.12.2015; số 053 ngày 08.01.2016; số 063 ngày 20.01.2016; số 066 ngày 25.01.2016; số 068 ngày 25.01.2016; số 069 ngày 25.01.2016; số 078 ngày 03.03.2016; số 079 ngày 04.3.2016; số 080 ngày 04.3.2016; số 082 ngày 15.3.2016; số 112 ngày 24.4.2016 của Công ty T, có tổng doanh số chưa thuế là: 1.234.881.963 đồng. Bà Nguyễn Thị N – Giám đốc Công ty CP công nghệ và truyền thông S khai: Tháng 6 năm 2015, Công ty thi công hạng mục xây lắp và cung cấp, lắp đặt thiết bị vệ sinh tại Bệnh viện đa khoa huyện H, TP Đà Nẵng, Công ty đã liên hệ với Nguyễn Thanh H - Giám đốc Công ty T qua điện thoại để mua gạch men, phụ kiện vệ sinh. Sau khi thỏa thuận về giá cả Công ty T giao hàng cho Công ty S tại chân công trình. Công ty S đã thanh toán đầy đủ cho Công ty. Trong quá trình điều tra, ban đầu, Nguyễn Thanh H thừa nhận chỉ bán hóa đơn chứ không có hàng hóa. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07 tháng 5 năm 2019 và qua điều tra bổ sung, Nguyễn Thanh H lại xác định việc mua bán giữa công ty T với Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông S là mua bán có hàng hóa thật. Nguồn hàng thì bị cáo mua gạch

men, thiết bị vệ sinh của Công ty Th để cung cấp cho Công ty S. Việc giao nhận hàng là do Công ty T giao trực tiếp cho Công ty S ngay tại chân công trình Bệnh viện đa khoa huyện H và người nhận hàng là chỉ huy trưởng công trình - nh viên của Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông S. Đại diện Công ty Th cũng thừa nhận có hợp đồng với Công ty T về việc cung cấp thiết bị vệ sinh cho công trình Bệnh viện đa khoa huyện H, TP. Đà Nẵng của Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông S. Công ty Th giao trực tiếp hàng hóa cho Công ty S ngay tại chân công trình Bệnh viện đa khoa huyện H.

- ***Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ V***, địa chỉ: C54 Chòm Sao, khu phố Hưng Lộc, phường H, TX T, tỉnh Bình Dương kê khai thuế đầu vào 11 tờ hóa đơn giá trị gia tăng có các số lần lượt là: 396 ngày 26.2.2015; số 428 ngày 05.3.2015; số 430 ngày 18.3.2015; số 433 ngày 31.3.2015; số 436 ngày 16.4.2015; số 444 ngày 28.4.2015; số 449 ngày 28.5.2015; số 498 ngày 15.9.2015; số 008 ngày 30.9.2015; số 025 ngày 30.10.2015; số 029 ngày 04.11.2015 của Công ty T với tổng doanh số trước thuế là: 4.455.616.860 đồng. Bà Lưu Thị Lệ H, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ V trình bày: Năm 2015, Công ty V phát sinh quan hệ giao dịch mua bán đất cao lanh với Công ty T . Bà H trực tiếp gặp, thỏa thuận với Nguyễn Thanh H tại trụ sở Công ty T , địa chỉ: 63 Tô Hiến Thành, phường P, quận S, TP. Đà Nẵng. Việc giao dịch, mua bán đất cao lanh là có thật, có đầy đủ giấy tờ liên quan như phiếu nhập xuất kho, giao nhận hàng hóa. Sau khi thực hiện hợp đồng, Công ty V đã thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty T qua ngân hàng. Trong quá trình điều tra, ban đầu, Nguyễn Thanh H khai nhận chỉ bán hóa đơn chứ không có hàng hóa. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ngày 07 tháng 5 năm 2019 và qua điều tra bổ sung, Nguyễn Thanh H xác định lại việc mua bán đất giữa công ty T với Công ty V là mua bán có hàng hóa thật. Nguồn hàng than, đất thì đa phần là mua trôi nổi của dân không có nguồn gốc tại các khu vực Đà Nẵng, Lâm Đồng, Quảng Nam, Huế.

- ***Công ty TNHH MTV H***, địa chỉ trụ sở chính: 99 Lê Duẩn, phường C, quận H, thành phố Hà Nội. Chi nhánh tại Quảng Bình (30 Lê Quý Đôn, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình) kê khai 10 tờ hóa đơn giá trị gia tăng đầu vào có các số lần lượt là: số 258 ngày 16.01.2014; số 259 ngày 20.01.2014; số 260 ngày 08.02.2014; số 261 ngày 10.02.2014; số 262 ngày 13.02.2014; số 263 ngày 15.02.2014; số 264 ngày 18.02.2014; số 265 ngày 20.02.2014; số 266 ngày 22.02.2014; số 267 ngày 25.02.2014 của Công ty T với tổng doanh số trước thuế là: 7.227.456.000 đồng.

Qua xác minh, Công ty TNHH MTV H chi nhánh tại Quảng Bình đã bị Cục thuế tỉnh Quảng Bình đóng mã số thuế vì đã bỏ địa điểm kinh doanh từ năm 2017, hiện không xác định được địa chỉ cư trú của ông Nguyễn Văn S - người đứng đầu chi

nhánh Quảng Bình và ông Nguyễn Lê S - người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV H tại thời điểm năm 2014.

Nguyễn Thanh H khai nhận việc mua bán than giữa Công ty T và Công ty TNHH H là có hàng hóa thật từ nguồn thu mua than Ngọc Kinh ở Đại Lộc và than Quảng Ninh (nguồn hàng trôi nổi không có nguồn gốc, không có hóa đơn).

2/ Về mua hóa đơn giá trị gia tăng và thành lập công ty để cung cấp hóa đơn:

Ngoài việc bán hóa đơn khống như đã nêu trên, Nguyễn Thanh H còn mua một số mặt hàng trôi nổi, không có nguồn gốc xuất xứ để bán. Nhằm hợp thức hàng hóa đầu vào không có nguồn gốc cũng như hợp thức việc bán hóa đơn khống, Nguyễn Thanh H đã thành lập Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ T.B.L (Địa chỉ: thôn Ban Mai, xã B, huyện Đ, Quảng Nam) để xuất khống 29 hóa đơn với doanh số chưa thuế là: 23.590.078.940 đồng và mua trái phép 300 tờ hóa đơn của 43 doanh nghiệp trên địa bàn Đà Nẵng, Quảng Nam, Hải Phòng, Quảng Ninh với doanh số chưa thuế là: 67.519.837.138 đồng. Cụ thể như sau:

- ***Công ty TNHH MTV Thương mại và dịch vụ T.B.L***, địa chỉ: thôn Ban Mai, xã B, huyện Đ, Quảng Nam.

Nguyễn Thanh H thừa nhận sử dụng chứng minh nh dân của em ruột là Nguyễn Thanh H1 để thành lập Công ty TNHH MTV TM và DV T.B.L. Mục đích Nguyễn Thanh H thành lập Công ty để xuất khống 29 hóa đơn với doanh số chưa thuế là: 23.590.078.940 đồng (Hai mươi ba tỷ năm trăm chín mươi triệu không trăm bảy mươi tám ngàn chín trăm bốn mươi đồng) để hợp thức đầu vào cho Công ty T.

Nguyễn Thanh H1 - em ruột Nguyễn Thanh H xác nhận được H nhờ ký thủ tục thành lập Công ty T.B.L rồi sau đó không tham gia, không biết H dùng Công ty T.B.L để làm gì.

- ***Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N***, địa chỉ: Tổ 15, Khái Tây 2, P. H, Đà Nẵng: Năm 2013, 2014, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N xuất cho Công ty T 19 hóa đơn giá trị gia tăng với doanh số chưa thuế là: 2.736.683.215 đồng. Bà Nguyễn Thị Ý N khai nhận: Công ty bán xi măng cho một người phụ nữ tên T (không rõ lai lịch). Đến cuối tháng thì T yêu cầu xuất hóa đơn cho Công ty T. Ngoài ra, N bán trái phép 04 hóa đơn cho Công ty T với doanh số trước thuế là 520.800.000 đồng (tương ứng 300 tấn xi măng), thu lợi bất chính từ việc bán trái phép 04 hóa đơn trên là: 1.500.000 đồng.

- ***Công ty TNHH MTV TMDV và XD A*** , địa chỉ: K569 H07/24 Trần Cao Vân, Đà Nẵng: Năm 2014, Công ty TNHH MTV TMDV và XD A xuất 07 hóa đơn GTGT cho Công ty T với doanh số chưa thuế là: 1.855.100.000 đồng. Chị Hồ Thị Ánh

V(sinh năm: 1978, HKTT: K569 H07/24 Trần Cao Vân, Đà Nẵng) – Giám đốc Công ty TNHH MTV TMDV và XD A khai nhận: Năm 2014, Vy bán xi măng cho một người phụ nữ tên T (không rõ lai lịch) tự xưng là kế toán trưởng của Công ty T và yêu cầu xuất 03 hóa đơn cho Công ty T với doanh số chưa thuế là: 689.700.000 đồng. Ngoài ra, V bán trái phép 04 hóa đơn cho Công ty T với doanh số chưa thuế là: 1.165.400.000 đồng (tương đương 850 tấn xi măng). Số tiền thu lợi bất chính từ việc bán trái phép 04 hóa đơn trên là: 6.800.000 đồng. V đã nộp số tiền thu lợi bất chính vào tài khoản của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng.

- ***Công ty TNHH TM và DV T***, địa chỉ: Tổ 40, phường H , quận C, TP Đà Nẵng: Ông Lê Minh D – Giám đốc TNHH TM và DV T khai nhận đã bán trái phép 05 hóa đơn giá trị gia tăng với doanh số trước thuế là: 554.750.000 đồng cho Công ty T, thu lợi bất chính từ việc bán trái phép 05 hóa đơn trên là: 6.675.000 đồng.

- ***Công ty TNHH TM và DV H***, địa chỉ: 435 Phạm Hùng, quận C, TP Đà Nẵng: Bà Võ Thị T– Giám đốc Công ty TNHH TM và DV H khai nhận đã bán trái phép 05 tờ hóa đơn giá trị gia tăng với doanh số trước thuế là 1.221.075.000 đồng cho Công ty T, thu lợi bất chính từ việc bán trái phép 05 hóa đơn trên là 9.990.000đồng.

- ***Doanh nghiệp tư nh T***, địa chỉ: 184 Huỳnh Tấn Phát, TP Đà Nẵng: Ông Bùi Việt T- Chủ doanh nghiệp tư nhân T khai nhận đã bán trái phép 02 hóa đơn giá trị gia tăng với doanh số trước thuế là: 273.149.998 đồng cho Công ty T, thu lợi bất chính từ việc bán trái phép 02 hóa đơn trên là: 1.564.500đồng.

- ***Doanh nghiệp tư nhân M***, địa chỉ: 01 Khúc Hạo, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng.

Năm 2014, Công ty T kê khai thuế đầu vào 02 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của DNTN M với doanh số trước thuế là 599.800.000 đồng. Bà Mai Kim T, phụ trách kinh doanh vật liệu xây dựng của Doanh nghiệp tư nhân M trình bày đã xuất bán trái phép 02 hóa đơn giá trị gia tăng trên theo đề nghị của một người phụ nữ (không nhớ tên, không rõ lai lịch), hưởng lợi số tiền là 6.975.000 đồng. Bà T không biết rõ về người phụ nữ nêu trên.

- ***Công ty TNHH T***, địa chỉ: 477 Núi Thành, phường H, quận H , TP. Đà Nẵng.

Năm 2013, Công ty T kê khai thuế đầu vào 02 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty T với doanh số trước thuế là: 407.950.000 đồng. Ông Phạm N là giám đốc Công ty TNHH T khai nhận đã xuất bán trái phép 02 hóa đơn GTGT cho Công ty T với doanh số trước thuế là 407.950.000 đồng, thu lợi bất chính từ việc bán trái phép 02 hóa đơn trên là: 3.150.000 đồng.

- ***Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ T***, địa chỉ: thôn Tân An, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Năm 2013, Công ty T kê khai thuế đầu vào 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ T với doanh số trước thuế là: 54.000.000 đồng. Bà Phan Thị Thu S , kế toán Công ty TNHH sản xuất thương mại và dịch vụ T trình bày có xuất hóa đơn cho Công ty T theo yêu cầu của người mua xi măng, thông tin người mua do nhân viên bán hàng cung cấp. Vì bán lẻ (hóa đơn dưới 20.000.000 đồng) nên không nhớ được nhân viên bán hàng thời điểm đó là ai và không biết ai là người của Công ty T liên hệ mua xi măng.

- ***Công ty TNHH T***, địa chỉ: 26 Nguyễn Đình Chiểu, phường M, quận N, TP Đà Nẵng.

Năm 2013, Công ty T kê khai thuế đầu vào 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH T với doanh số trước thuế là: 173.181.818 đồng. Ông Nguyễn Văn T, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH T trình bày: Công ty có xuất hóa đơn cho Công ty T , thông tin về Công ty T do người mua cung cấp. Việc mua bán, giao dịch hàng hóa là có thật nhưng do thời gian đã lâu, không nhớ được người liên hệ mua xi măng cho Công ty T là ai.

- ***Công ty cổ phần Q***, địa chỉ: tổ 133, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng.

Năm 2014, Công ty T kê khai thuế đầu vào 06 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty cổ phần Q với doanh số trước thuế là: 80.310.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L, kế toán Công ty cổ phần Q trình bày có bán xi măng cho người phụ nữ tên L (không rõ năm sinh, địa chỉ) và xuất hóa đơn theo yêu cầu của bà L. Sau khi mua hàng, bà L thanh toán bằng tiền mặt.

- ***Công ty cổ phần thương mại X*** , địa chỉ: 224 Dũng Sĩ Thanh Khê, phường T, quận T, TP Đà Nẵng.

Năm 2014, Công ty T kê khai thuế đầu vào 02 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty cổ phần thương mại X với doanh số trước thuế là: 35.989.000 đồng. Bà Nguyễn Thị H đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần thương mại X trình bày có bán xi măng cho người phụ nữ tên Nguyễn Thị N, tự giới thiệu là nhân viên Công ty T . Sau khi nhận hàng, bà N trả tiền mặt và thông tin Công ty T do bà N cung cấp.

- ***Công ty TNHH xây dựng và thương mại N***, địa chỉ: 24 Lê Đình Dương, quận H , TP Đà Nẵng.

Năm 2015, Công ty T kê khai thuế đầu vào 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH xây dựng và thương mại N với doanh số trước thuế là: 355.776.400 đồng. Ông Hà Văn T, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng và thương mại N trình bày có người đàn ông tên T (không rõ lai lịch), tự giới thiệu nhân viên Công ty T liên hệ mua vật tư thiết bị điện. Sau khi giao hàng, Công ty T đã thanh

toán qua ngân hàng. Ông T không làm việc và không biết Nguyễn Thanh H, giám đốc công ty T .

- ***Công ty TNHH T***, địa chỉ: 32 Tô Hiến Thành, phường P, quận S, TP Đà Nẵng.

Năm 2013, Công ty T kê khai thuế đầu vào 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH T với doanh số trước thuế là: 118.181.800 đồng. Bà Đinh Thị T , đại diện theo pháp luật Công ty TNHH T trình bày là không trực tiếp bán xi măng cho Công ty T . Việc giao dịch mua bán do cửa hàng đại lý bán và đưa thông tin người mua về công ty để xuất hóa đơn. Do thời gian đã lâu nên bà T không nhớ chính xác cửa hàng nào giao dịch mua bán với Công ty T

- ***Công ty vật tư thiết bị H,*** địa chỉ: tổ 1, phường H, quận L , TP Đà Nẵng.

Năm 2015, Công ty T kê khai thuế đầu vào 19 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty vật tư thiết bị H với doanh số trước thuế là: 329.645.456 đồng. Ông Vũ Huy H, đại diện theo pháp luật của Công ty vật tư thiết bị H trình bày không biết việc giao dịch mua bán giữa Công ty H với Công ty T vì ông H4 được tuyển dụng giữ vị trí giám đốc từ ngày 1/10/2017.

Ông T đại diện theo pháp luật của Công ty vật tư thiết bị H giai đoạn năm 2015 thừa nhận trong năm 2015 Công ty vật tư thiết bị H có xuất 19 tờ hóa đơn mặt hàng xi măng cho Công ty T và việc mua bán là có hàng hóa thật. Công ty vật tư thiết bị H là đại lý xi măng cấp 1, thường bỏ sỉ cho các đại lý vật liệu xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng chứ không bán lẻ cho khách hàng. Công ty T không liên hệ trực tiếp với Công ty vật tư thiết bị H để mua xi măng mà mua tại các đại lý bán lẻ (không xác định được mua tại đại lý nào) nhiều lần với số lượng ít nên không có hợp đồng, không thanh toán qua Ngân hàng mà trả bằng tiền mặt. Sau đó, các đại lý bán lẻ đưa thông tin của Công ty T về Công ty vật tư thiết bị H để xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Công ty vật tư thiết bị H không biết Nguyễn Thanh H là ai.

- ***Công ty cổ phần công nghệ thương mại V*** , địa chỉ: Lô 556 quốc lộ 5, khu 2, phường Q, quận H, TP. Hải Phòng.

Năm 2014 và 2015, Công ty T kê khai thuế đầu vào 12 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty cổ phần công nghệ thương mại V (năm 2014: 07 hóa đơn và năm 2015: 05 hóa đơn) với doanh số trước thuế là: 10.904.389.890 đồng. Ông Nguyễn Mạnh Đ, đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần công nghệ thương mại V và bà Ngô Thị T - kế toán Công ty trình bày đã trực tiếp ký kết hai hợp đồng mua bán sắt thép với Nguyễn Thanh H, giám đốc Công ty T vào ngày 01.11.2010 và hợp đồng số 62 ngày 06.02.2012. Việc giao dịch mua bán sắt thép là có thật chứ không mua bán khống hóa đơn. Từ năm 2015, Công ty cổ phần công nghệ thương mại V không bán

hàng gì cho Công ty T và không xuất bất cứ một hóa đơn nào cho Công ty T nữa; 05 số hóa đơn của năm 2015 có ký hiệu AA/15P mà Công ty T kê khai không phải của Công ty cổ phần công nghệ thương mại V phát hành (Công ty cổ phần công nghệ thương mại V không phát hành hóa đơn mẫu AA/15P).

Nguyễn Thanh H thừa nhận chỉ mua bán hóa đơn, không có hàng hóa, sau năm 2013, H không có quan hệ mua bán gì với Công ty cổ phần công nghệ thương mại V ; 05 số hóa đơn của năm 2015 có ký hiệu AA/15P H không biết có phải của Công ty cổ phần công nghệ thương mại V hay không.

- ***Công ty TNHH thương mai dịch vụ Q***, địa chỉ: 50 Lê Kim Lăng, phường H, quận Cẩm Lê, TP Đà Nẵng.

Năm 2014, Công ty T kê khai thuế đầu vào 03 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH thương mai dịch vụ Q với doanh số trước thuế là: 995.454.545 đồng. Ông Nguyễn Văn S, nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH thương mai dịch vụ Q trình bày: Công ty Q có ký kết hợp đồng mua bán xi măng với Công ty T. Việc giao dịch mua bán là có thật, có đầy đủ phiếu xuất kho, ký nhận hàng hóa.

- ***Công ty TNHH MTV Đ***, địa chỉ: 04-06 Phong Bắc 3, phường H, quận C, TP. Đà Nẵng.

Năm 2014, Công ty T kê khai thuế đầu vào 03 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH MTV Đ với doanh số trước thuế là: 261.772.727 đồng. Bà Phan Thị D là kế toán của Công ty TNHH MTV Đtrình bày là không trực tiếp bán xi măng cho Công ty T. Việc giao dịch mua bán do cửa hàng, đại lý bán và đưa thông tin người mua về công ty để xuất hóa đơn. Do thời gian đã lâu nên không nhớ chính xác cửa hàng nào giao dịch mua bán với công ty T.

- ***Công ty cổ phần T***, địa chỉ 83 Dương Đình Nghệ, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng.

Năm 2013, Công ty THA kê khai thuế đầu vào 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty cổ phần T với doanh số trước thuế là: 1.243.375.000. Ông Nguyễn Ngọc V - Giám đốc Công ty cổ phần T trình bày: Công ty T có ký kết hợp đồng mua bán xi măng Chin Fon PCB40 với Công ty T, việc giao dịch mua bán là có thật, có phiếu xuất kho và giấy chuyển tiền vào tài khoản nhưng hợp đồng hiện nay thất lạc do công ty qua nhiều lần thay đổi trụ sở. (BL: 6236-6238; 6242)

- ***Công ty TNHH TMDV S***, địa chỉ Thôn Ban Mai 1, xã B, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Năm 2013 và 2014, Công ty T kê khai thuế đầu vào 02 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH TMDV S với doanh số trước thuế là: 547.590.909 đồng. Ông Lê Văn T, đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH TMDV S trình bày việc

giao dịch mua bán xi măng với Công ty T là có thật. Ông T không làm việc trực tiếp với công ty Tmà giao cho nhân viên kinh doanh giao dịch mua bán. Hiện nay giấy tờ liên quan đến việc mua bán xi măng với Công ty T đã bị thất lac, không còn lưu giữ tại công ty.

- ***Công ty TNHH MTV TMDV N***, địa chỉ: 89 Lê Văn Hưu, phường M, quận N, TP. Đà Nẵng.

Năm 2013 và 2014, Công ty T kê khai thuế đầu vào 36 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH MTV TMDV N với doanh số trước thuế là: 892.866.258 đồng. Ông Nguyễn Khắc L - Giám đốc Công ty TNHH MTV TMDV N trình bày: Việc mua bán hàng hóa là xi măng với Công ty T là có thật, Ông L không làm việc trực tiếp với Công ty T mà do bà Diêm Thị H và Nguyễn Thị Ánh T thực hiện. Trong quá trình thực hiện mua bán không có phiếu xuất kho và phiếu giao nhận hàng hóa mà được theo dõi bằng sổ nhật ký, tuy nhiên do thời gian đã lâu nên quyển sổ này đã bị thất lạc.

Nguyễn Thị Ánh T - Công ty TNHH MTV TMDV N khai: Năm 2013, đã giao cho nhân viên bán hàng trực tiếp cho tài xế giao nhận hàng tại nhà máy xi măng H, TP Đà Nẵng. Sau đó tài xế yêu cầu xuất hóa đơn ghi tên đơn vị mua hàng là Công ty T và thanh toán bằng tiền mặt. Đến năm 2014, ông H - Giám đốc Công ty T liên hệ bà T để mua xi măng, khi có nhu cầu thì ông H thông báo khối lượng và nhận xi măng tại nhà máy, sau đó Công ty TNHH MTV TMDV N xuất hóa đơn cho Công ty T và giao cho lái xe đem về Công ty. Bà T chỉ liên hệ qua điện thoại chứ chưa gặp ông H.

- ***Công ty TNHH MTV T***, địa chỉ: tổ 1, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng.

Năm 2013, Công ty T kê khai thuế đầu vào 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH MTV T với doanh số trước thuế là: 239.636.364 đồng. Ông Võ Như V - Giám đốc Công ty TNHH MTV T trình bày: Việc mua bán xi măng với khách hàng là có thật theo hóa đơn GTGT đã xuất, khách hàng đưa thông tin người mua là Công ty T để viết hóa đơn. Tuy nhiên qua thời gian đã lâu nên không nhớ người khách hàng trên.

- ***Doanh nghiệp tư nhân T***, địa chỉ: 749 Nguyễn Lương Bằng, phường H, quận L, TP. Đà Nẵng.

Năm 2013 và 2014, Công ty T kê khai thuế đầu vào 06 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Doanh nghiệp tư nhân T với doanh số trước thuế là: 745.099.973 đồng. Ông Lê Châu T là nhân viên kinh doanh của Doanh nghiệp tư nhân T trình bày: Việc mua bán hàng hóa là xi măng với Công ty T là có thật, có làm hợp đồng và thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng. Doanh nghiệp tư nhân T đã giải thể từ năm 2017.

- ***Công ty TNHH P***, địa chỉ: Khối 7B, phường Đ, thị xã B, tỉnh Quảng Nam.

Năm 2013, Công ty T kê khai thuế đầu vào 05 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH P với doanh số trước thuế là: 86.240.000 đồng. Ông Nguyễn Văn H - Giám đốc Công ty TNHH P trình bày: Việc xuất 05 tờ hóa đơn GTGT mua bán xi măng với doanh số trước thuế là: 86.240.000 đồng cho Công ty T thông qua cửa hàng vật liệu xây dựng L (địa chỉ thôn Bồng Lai, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam). Cửa hàng VLXD L có đơn đặt hàng của Công ty T mua 77 tấn xi măng Sông Gianh PCB40 nhưng vì là hộ kinh doanh cá thể nên không xuất hóa đơn GTGT được nên đã đặt mua tại Công ty P và yêu cầu xuất hóa đơn với tên đơn vị mua hàng là Công ty T.

- ***Công ty TNHH N***, địa chỉ: Thôn Trung Phú 1, xã M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Năm 2014, Công ty T kê khai thuế đầu vào 12 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH N với doanh số trước thuế là: 1.828.909.081 đồng. Ông N - Giám đốc Công ty TNHH N trình bày: Công ty N có ký kết hợp đồng mua bán xi măng với Công ty T theo 12 hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên, thanh toán bằng trực tiếp bằng hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản qua ngân hàng, việc giao dịch mua bán là có thật, nhưng hợp đồng và giấy tờ liên quan đã bị cháy (có đơn báo cáo gửi Cục thuế tỉnh Quảng Nam).

- ***Công ty TNHH MTV TM & DV tổng hợp P***, địa chỉ: 55 Nguyễn Chánh, phường H, quận L , TP. Đà Nẵng.

Năm 2013, Công ty T kê khai thuế đầu vào 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH MTV TM & DV tổng hợp P với doanh số trước thuế là: 134.000.020 đồng. Ông Nguyễn Văn Đ là phó giám đốc Công ty TNHH MTV TM & DV tổng hợp P trình bày: Việc giao dịch mua bán theo hóa đơn trên với Công ty T là có thật, tuy nhiên đến nay Công ty T vẫn chưa thanh toán tiền hàng cho Công ty TNHH MTV TM & DV tổng hợp P.

- ***Doanh nghiệp tư nhận B***, địa chỉ: 92 Đỗ Thúc Tịnh, TP Đà Nẵng.

Năm 2013, 2014, Doanh nghiệp tư nhân B xuất cho Công ty T 32 hóa đơn GTGT, với doanh số chưa thuế: 4.439.685.165 đồng. Ông Mai Phước Hoàng, giám đốc doanh nghiệp cho biết: Doanh nghiệp B có quan hệ mua bán xi măng với Công ty T . Việc giao dịch, mua bán là có thật nhưng không làm việc trực tiếp với Nguyễn Thanh H mà thông qua ông Hồ Phước A (không rõ lai lịch). Sau khi thực hiện giao dịch mua bán, Công ty T thanh toán qua chuyển khoản ngân hàng.

- ***Công ty TNHH G***, địa chỉ: 50 Thái Phiên, TP Đà Nẵng.

Năm 2014, Công ty TNHH G có xuất 8 hóa đơn GTGT cho Công ty T với doanh số chưa thuế là: 2.295.499.620 đồng. Bà Đặng Thị Hồng T, người đại diện

theo pháp luật và nhân viên trực tiếp bán hàng của Công ty TNHH G khai: Bán xi măng cho một người đàn ông (không rõ lai lịch) yêu cầu xuất hóa đơn ghi tên đơn vị mua hàng là Công ty T . Thực tế Công ty TNHH G không giao dịch với Công ty T .

- ***Công ty TNHH H***, địa chỉ: 78 Nam Cao, TP Đà Nẵng.

Năm 2013, Công ty TNHH H xuất 27 hóa đơn GTGT cho Công ty T với doanh số chưa thuế là: 460.575.385 đồng. Bà Nguyễn Thị T (sinh năm: 1962, HKTT: 78 Nam Cao, TP Đà Nẵng) khai: Năm 2013, có 01 người đàn ông tên D, làm nghề lái xe (không rõ lai lịch) đến Công ty mua xi măng và yêu cầu xuất hóa đơn ghi thông tin đơn vị mua hàng là Công ty T. Bà T không biết và không trực tiếp giao dịch với Công ty T.

- ***Công ty TNHH MTV TM và DV N***, địa chỉ: Khu 2, TT Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Năm 2013, Công ty TNHH MTV TM và DV N xuất 14 tờ hóa đơn GTGT cho Công ty T , với doanh số chưa thuế là: 247.290.904 đồng. Ông Đặng Cao N (sinh năm 1961, HKTT: 35 Nguyễn Tất Thành, Khu 2, TT Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam) khai: Có một người đàn ông tên P (không rõ lai lịch) đến gặp ông N để mua xi măng và yêu cầu xuất hóa đơn ghi thông tin đơn vị mua hàng là Công ty T . Ông N hoàn toàn không biết và không trực tiếp giao dịch Công ty T .

- ***Công ty TNHH XDTM và DV T*** , địa chỉ: 6/5 Chu Văn An, phường B , quận H, TP. Đà Nẵng.

Năm 2014, Công ty T kê khai thuế đầu vào 04 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH XDTM và DV T , với doanh số trước thuế là: 49.090.920 đồng. Bà Võ Thị H, đại diện Công ty TNHH XDTM và DV T cho biết: Công ty T thường phân phối xi măng cho các đại lý trên địa bàn TP. Đà Nẵng. Đối với các khách hàng mua lẻ, trả tiền mặt trực tiếp, sau khi các đại lý bán hàng thì đưa thông tin khách hàng để công ty xuất hóa đơn. Vì vậy, công ty không biết ai là người của Công ty T liên hệ mua xi măng và không biết Nguyễn Thanh H là ai.

- ***Công ty TNHH MTV XD và TM L***, địa chỉ: Tổ 100, phường H , quận L . TP Đà Nẵng.

Công ty T kê khai đầu vào 09 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH MTV XD và TM L , với doanh số trước thuế là: 2.681.236.362 đồng.

Xác minh tại địa điểm kinh doanh thì không có hoạt động sản xuất kinh doanh, hay văn phòng tại nơi đăng ký. Chi cục Thuế quận L có thông báo đơn vị bỏ địa chỉ kinh doanh. Nguyễn Bá P là người đại diện pháp luật của Công ty TNHH MTV XD và TM L đang thi hành án tại Trại giam Bình Điền khẳng định Nguyễn Bá P không thành lập Công ty nào, không liên quan gì đến Công ty L.

- ***Công ty TNHH MTV XD và TM P***, địa chỉ: Tổ 25, phường T, quận T, TP Đà Nẵng.

Công ty T kê khai đầu vào 06 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH MTV XD và TM P, với tổng doanh số trước thuế là: 1.490.454.542 đồng.

Xác minh tại địa điểm kinh doanh thì không có hoạt động sản xuất kinh doanh hay văn phòng tại nơi đăng ký. Chi cục Thuế quận T có thông báo đơn vị bỏ địa chỉ kinh doanh. Làm việc với Lê Tường Phúc H, người đại diện của Công ty P thì bà H khai không biết và không liên quan gì đến Công ty P. Nguyễn Bá P (có chữ ký là người nộp hồ sơ thành lập Công ty TNHH MTV XD và TM P) cũng khẳng định không liên quan gì đến Công ty TNHH MTV XD và TM P.

- ***Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại G***, địa chỉ: 51 Cù Chính Lan, phường H, quận T, TP Đà Nẵng.

Năm 2014, Công ty T kê khai thuế đầu vào 03 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại G, với doanh số trước thuế là: 636.660.000 đồng. Qua xác minh tại Chi cục thuế quận T, Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại G đã thông báo dừng hoạt động từ ngày 7/8/2017.

- ***Công ty TNHH T,*** địa chỉ: 569/18 Trần Cao Vân, phường X, quận T, TP Đà Nẵng Năm 2014, Công ty T kê khai thuế đầu vào 05 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công tyTNHH T, với doanh số trước thuế là: 257.536.363 đồng. Qua xác minh tại Chi cục Thuế quận T xác định: Công ty TNHH T đã thông báo dừng hoạt động từ ngày 6/4/2018. Bà Cao Thị M, kế toán công ty cho biết: Sau khi Công ty TNHH T thông báo dừng hoạt động, hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế đã tiêu hủy toàn bộ hồ sơ, giấy tờ có liên quan của công ty.

- ***Công ty TNHH D***, địa chỉ: thôn 5, xã Tam Xuân 1, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Năm 2013, Công ty T kê khai thuế đầu vào 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH D, với doanh số trước thuế là: 239.372.709 đồng. Qua xác minh tại Chi cục thuế huyện N, tỉnh Quảng Nam xác định: Công ty TNHH D đã được thông báo ngừng hoạt động từ ngày 01/12/2014.

- ***Doanh nghiệp tư nhân M***, địa chỉ: thôn Nông Sơn 2, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

Năm 2014, Công ty T kê khai thuế đầu vào 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Doanh nghiệp tư nhân M, với doanh số trước thuế là: 340.909.091 đồng. Ông Mai Thanh T là chủ Doanh nghiệp tư nhân M trình bày: Doanh nghiệp tư Nh M có ký kết hợp đồng mua bán xi măng Sông Gianh với Công ty T theo hóa đơn nêu trên, thanh

toán qua chuyển khoản ngân hàng, việc giao dịch mua bán là có thật, nhưng hợp đồng hiện nay thất lạc do đã ngừng hoạt động từ giữa năm 2017.

- ***Công ty TNHH TM & DV B***, địa chỉ 123 Nguyễn Phước Nguyên, phường A, quận T, TP. Đà Nẵng.

Năm 2013, Công ty T kê khai thuế đầu vào 03 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH TM & DV B, với doanh số trước thuế là: 754.772.846 đồng. Bà Trần Thị Tú N là Giám đốc Công ty TNHH TM & DV B trình bày: Việc giao dịch mua bán xi măng Sông Gianh PCB40 theo hóa đơn với Công ty T là có thật, tuy nhiên hợp đồng, phiếu xuất kho và những giấy tờ khác hiện nay thất lạc do công ty thay đổi trụ sở và khách hàng đã thanh toán nên công ty hủy bỏ không còn lưu giữ.

- ***Công ty cổ phần Đ***, địa chỉ: 94, tổ 4, khu 6A, phường C, TP C, tỉnh Quảng Ninh.

Năm 2015 và 2016, Công ty T kê khai thuế đầu vào 07 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty cổ phần Đ, với doanh số trước thuế là: 7.124.723.430 đồng. Qua làm việc với ông Nguyễn Văn D, đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Đ, được biết: Công ty cổ phần Đ không có quan hệ kinh tế với Công ty T. Xác minh thông tin hóa đơn, xác định toàn bộ hóa đơn nói trên không phải của Công ty cổ phần Đ xuất cho Công ty T .

- ***Công ty TNHH Đầu tư và phát triển 1***, địa chỉ: tổ 9, khu 5, phường Y, TP H, tỉnh Quảng Ninh.

Năm 2015, Công ty T kê khai thuế đầu vào 12 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH Đầu tư và phát triển 1, với doanh số trước thuế là: 15.146.381.820 đồng. Làm việc với ông Nguyễn Văn D, người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Đầu tư và phát triển 1, được biết: Công ty TNHH Đầu tư và phát triển 1 đã thông báo tạm dừng hoạt động kinh doanh từ năm 2016 và đăng ký thành lập mới Công ty TNHH MTV A, hoạt động kinh doanh tại trụ sở của Công ty TNHH Đầu tư và phát triển 1. Xác minh thông tin hóa đơn, xác định công ty TNHH Đầu tư và phát triển 1 không có quan hệ kinh tế với Công ty T và không xuất hóa đơn cho công ty T.

- *C**ông ty A,*** địa chỉ: Thôn 12, xã Q, huyện Q, Quảng Nam.

Năm 2016, Công ty T kê khai thuế đầu vào 06 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty A với doanh số chưa thuế là: 3.758.692.800 đồng. Ông Lê Văn C - Người đại diện theo pháp luật của Công ty A khai nhận: Không có quan hệ gì với Công ty T và 06 hóa đơn Công ty T kê khai thuế đầu vào là hóa đơn Công ty A xuất cho Công ty TNHH ĐT Phát triển Nông lâm Q , Công ty CP Tư Vấn XD B , Công ty TNHH TM và DV V.

- ***Công ty TNHH T***, địa chỉ: Khu 2, thị trấn Á, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Năm 2014, Công ty T kê khai thuế đầu vào 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH T, với doanh số trước thuế là: 17.590.909 đồng. Qua xác minh công ty đã ngừng hoạt động.

- ***Công ty TNHH L***, địa chỉ: 99 Bãi Sậy, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Năm 2013, Công ty T kê khai thuế đầu vào 01 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH L, với doanh số trước thuế là: 696.286.180 đồng. Qua xác minh tại Chi cục Thuế quận C thì hiện nay Công ty TNHH L đã giải thể không còn kinh doanh.

- ***Công ty TNHH B***, địa chỉ: 48 Ngô Thị Liễu, quận C, thành phố Đà Nẵng.

Năm 2014, Công ty T kê khai thuế đầu vào 05 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH B, với doanh số trước thuế là: 84.527.260 đồng. Bà Nguyễn Thị Mỹ D - Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH B khai: Hiện nay Công ty TNHH B đang tạm dừng hoạt động; vào khoảng đầu tháng 3 năm 2014 có một người phụ nữ tên L (không rõ họ nhân thân lai lịch) đến đặt vấn đề mua xi măng của Công ty TNHH B. Sau khi thống nhất giá cả thì hai bên đồng ý khi có nhu cầu thì bà L sẽ điện thoại cho bà D thông báo mặt hàng, số lượng và địa điểm giao nhận hàng. Sau đó bà D sẽ gọi điện đến các nhà phân phối để xuất và giao hàng theo yêu cầu của bà L ; Bà L đến Công ty TNHH B thanh toán tiền hàng và yêu cầu bà D xuất hóa đơn giá trị gia tăng cho đơn vị mua hàng là Công ty T (do mua bán xi măng với số lượng ít nên hai bên không làm hợp đồng). Bà D không biết Công ty T và cũng không biết Nguyễn Thanh H là ai.

* Tang vật tạm giữ:

- Tài liệu thu giữ tại nhà của Nguyễn Thanh H, gồm 42 (bốn mươi hai) trang tài liệu (được đánh số từ 01 đến 42), cụ thể:

+ Bảng kê phiếu xuất vật tư từ ngày 1/5/2011 đến ngày 30/11/2011 (tờ 1-2).

+ Hợp đồng kinh tế số 8/HĐKT-THA ngày 16/5/2011 giữa Công ty T với Công ty TNHH Nguyễn Thành T(tờ 3-4).

+ Bảng kê khối lượng than (2/3 đến 10/5/2012) của công ty Nguyễn Thành T(tờ 5).

+ Bảng kê hóa đơn tháng 5 và tháng 6/2011 của công ty T (tờ 6).

+ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 1/7/2011 giữa công ty T với công ty Nguyễn Thành T(tờ 7).

+ Công nợ tháng 8/2011 của công ty T (tờ 8).

+ Bảng kê hóa đơn tháng 7/2011 của công ty T (tờ 9-10).

+ Công nợ T mượn tiền của công ty T (tờ 11-12).

+ Lệnh chi ngày 29/6/2011đến công ty Nguyễn Thành T(tờ 13).

+ Phiếu thu ngày 5/6/2011(tờ 14).

+ Lệnh chi ngày 29/6/2011 đến công ty Nguyễn Thành T(tờ 15).

+ Lệnh chi ngày 17/6/2011 đến công ty Nguyễn Thành T(tờ 16).

+ Sổ chi tiết công nợ, khách hàng: công ty Nguyễn Thành T(tờ 17).

+ Lệnh chi ngày 17/6/2011 đến công ty Nguyễn Thành T(tờ 18).

+ Ủy nhiệm chi ngày 23/5/2011 đến công ty Nguyễn Thành T(tờ 19).

+ Biên bản họp ngày 3/8/2011 giữa công ty T và công ty Nguyễn Thành T(tờ 20).

+ Tờ khai thuế giá trị gia tăng tháng 11/2010 của công ty THA (tờ 21).

+ Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra tháng 11/2010 của công ty THA (tờ 22-23).

+ Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào tháng 11/2010 của công ty T (tờ 24-26).

+ Hóa đơn GTGT số 80 ngày 8/8/2017 của công ty T (tờ 27).

+ Ủy nhiệm chi ngày 9/11/2016, đơn vị thụ hưởng: công ty Trọng Anh S (tờ 28).

+ Ủy nhiệm chi ngày 30/9/2016, đơn vị thụ hưởng: công ty Trọng Anh S (tờ 29).

+ Lệnh chuyển tiền ngày 16/8/2016 của Ngân hàng S , người nộp: Nguyễn Thanh H (tờ 30).

+ Phiếu thu tiền mặt số 14191 ngày 17/9/2016 của Ngân hàng S , người nộp: Nguyễn Thanh H (tờ 31).

+ Ủy nhiệm chi ngày 16/8/2016, người thụ hưởng: công ty T (tờ 32).

+Lệnh chuyển tiền ngày 16/8/2016, đơn vị thụ hưởng: Hợp tác xã gạch không nung H (tờ 33).

+ Hợp đồng mua bán số 12052017/HĐKT/Vicem-THA ngày 12/5/2017 giữa công ty Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng với công ty T (tờ 34-36).

+ Hợp đồng mua bán số 12052017/HĐKT/Vicem-THA ngày 12/5/2017 giữa công ty Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng với công ty T (tờ 37-39).

+ Hợp đồng mua bán số 06/2014/TT giữa Công ty cổ phần T với công ty T (tờ 40-42).

- 01 (một) hình dấu tròn, màu đỏ xám, vỏ ngoài bằng nhựa, phía trên đỉnh bên trong mặt gương ghi chữ "Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ T.H.A* S.Đ.K.K.D: 0401378381-C.T.C*Q. Sơn Trà, TP Đà Nẵng"

- 01 (một) hình dấu tròn, màu đỏ xám, vỏ ngoài bằng nhựa, phía trên đỉnh bên trong mặt gương ghi chữ "Công ty T.N.H.H Một thành viên Thương mại dịch vụ T.B.L*MSDN:4000849915-C.T.T.N*H. Đ , tỉnh Quảng Nam".

(Kèm theo hồ sơ vụ án).

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, CQCSĐT CA quận S ra Quyết định trưng cầu giám định số: 152 để trưng cầu Cục thuế TP Đà Nẵng giám định các nội dung sau:

- Từ hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Thanh H, xác định có dấu hiệu trốn thuế không? Nếu có, thiệt hại về thuế là bao nhiêu?

- Nguyễn Thanh H có mua bán than, đất không rõ nguồn gốc để bán lại kiếm lời (không có sơ sở xác định chính xác số lượng than, đất không rõ nguồn gốc). Căn cứ vào tài liệu đã thu thập được, có xác định được hành vi trốn thuế của Nguyễn Thanh H không? Nếu có, thiệt hại về thuế là bao nhiêu?

- Xác định mức thiệt hại đối với Nhà nước từ hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Thanh H?.

Tại Kết luận giám định ngày 26.10.2018 kèm theo Quyết định số: 4088/QĐ-CT ngày 04.10.2018 của Cục thuế TP Đà Nẵng; Công văn số: 4340/CT-TTr2 ngày 06.11.2018 của Cục thuế TP Đà Nẵng về việc giải thích nội dung giám định và Công văn số: 4439/CT-TTr2 ngày 12.11.2018 của Cục thuế TP Đà Nẵng về việc xác định mức thiệt hại đối với Nhà nước xác định:

1. Về nội dung thứ 1: Từ hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Thanh H, xác định có dấu hiệu trốn thuế không? Nếu có, thiệt hại về thuế là bao nhiêu?

Trên cơ sở hồ sơ tài liệu do Cơ quan CSĐT CA quận S cung cấp, Giám định viên chỉ giám định được Công ty T đã khai thuế GTGT đầu vào, khai thuế GTGT đã khấu trừ của các hóa đơn mua bán khống; không có cơ sở xác định được từ hành vi mua bán hóa đơn trái phép có dẫn đến trốn thuế hay không và số thuế trốn là bao nhiêu?

2. Về nội dung thứ 2: Nguyễn Thanh H có mua bán than, đất không rõ nguồn gốc để bán lại kiếm lời (không có sơ sở xác định chính xác số lượng than, đất không rõ nguồn gốc). Cắn cứ váo tài liệu đã thu thập được, có xác định được hành vi trốn thuế của Nguyễn Thanh H không? Nếu có, thiệt hại về thuế là bao nhiêu?

Theo xác định của Cơ quan CSĐT CA quận S thì Nguyễn Thanh H có mua bán than, đất không rõ nguồn gốc để bán lại kiếm lời (không có cơ sở xác định chính xác số lượng than, đất không rõ nguồn gốc), nên không đủ căn cứ để xác định chính xác các khoản thuế bị thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước.

3. Nội dung thứ 3: Xác định mức thiệt hại đối với Nhà nước từ hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Thanh H?

+ Toàn bộ hồ sơ, chứng từ kế toán và sổ sách kế toán liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty THA đã bị Nguyễn Thanh H tiêu hủy nên việc xác định mức độ thiệt hại đối với Nhà nước từ hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Công ty THA chỉ căn cứ vào các tờ khai thuế GTGT, các hóa đơn GTGT mua bán trái phép là chưa đủ cơ sở để xác định mức thiệt hại về thuế xảy ra tại Công ty THA.

+ Đối với các doanh nghiệp đã nhận hóa đơn bất hợp pháp từ Công ty THA do Nguyễn Thanh H - Giám đốc Công ty bán, do Cơ quan điều tra cung cấp thì có trường hợp xuất khống, có trường hợp có hàng thực xuất nhưng không cụ thể số lượng, đơn giá, thành tiền, đơn vị mua nên việc xác định mức độ thiệt hại về thuế đối với ngân sách Nhà nước là không có cơ sở.

Tại bản Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 12/12/2018, Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã truy tố:

- Nguyễn Thanh H về tội "*Mua bán trái phép hóa đơn,chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước"* theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Nguyễn Thị T về tội "*Mua bán trái phép hóa đơn,chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước"* theo điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Phạm Thị Tuyết H về tội "*Mua bán trái phép hóa đơn,chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước"* theo khoản 1 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng thực hành quyền công tố luận tội đối với các bị cáo, rút một phần trong nội dung truy tố đối với Nguyễn Thanh H về hành vi mua bán hóa đơn với 03 đơn vị: Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông S, Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ V, Công ty TNHH H vì xác định các Công ty này mua bán có hàng hóa thật với Công ty T và khẳng định hành vi của các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị T, Phạm Thị Tuyết H đủ yếu tố cấu thành tội "*Mua bán trái phép hóa đơn,chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước".* Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH 14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 để xét xử các bị cáo về tội danh trên; Đồng thời đề nghị HĐXX:

- Áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh H** từ 36 đến 42 tháng tù về tội "*Mua bán trái phép hóa đơn,chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước"*. Trừ đi thời gian đã bị tạm giam trước đó của bị cáo từ ngày 19.12.2017 đến 17.5.2018 và buộc bị cáo chấp hành hình phạt còn lại. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt bị cáo số tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị T** từ 12 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội "*Mua bán trái phép hóa đơn,chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước"*.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 203; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo **Phạm Thị Tuyết H** từ 15 đến 18 tháng tù về tội "*Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước"*. Phạt bổ sung số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

- Đối với hành vi trốn thuế của Nguyễn Thanh H, ngày 28 tháng 9 năm 2018, CQCSĐT CA quận S ra Quyết định trưng cầu giám định số: 152 để trưng cầu Cục thuế TP Đà Nẵng giám định các nội dung sau:

- Từ hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Thanh H, xác định có dấu hiệu trốn thuế không? Nếu có, thiệt hại về thuế là bao nhiêu?

- Nguyễn Thanh H có mua bán than, đất không rõ nguồn gốc để bán lại kiếm lời (không có sơ sở xác định chính xác số lượng than, đất không rõ nguồn gốc). Căn cứ vào tài liệu đã thu thập được, có xác định được hành vi trốn thuế của Nguyễn Thanh H không? Nếu có, thiệt hại về thuế là bao nhiêu?

- Xác định mức thiệt hại đối với Nhà nước từ hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Thanh H?

Tại Kết luận giám định ngày 26.10.2018 kèm theo Quyết định số: 4088/QĐ-CT ngày 04.10.2018 của Cục thuế TP Đà Nẵng; Công văn số: 4340/CT-TTr2 ngày 06.11.2018 của Cục thuế TP Đà Nẵng về việc giải thích nội dung giám định và Công văn số: 4439/CT-TTr2 ngày 12.11.2018 của Cục thuế TP Đà Nẵng về việc xác định mức thiệt hại đối với Nhà nước đã xác định:

1. Trên cơ sở hồ sơ tài liệu do Cơ quan CSĐT CA quận S cung cấp, Giám định viên chỉ giám định được Công ty T đã khai thuế GTGT đầu vào, khai thuế GTGT đã khấu trừ của các hóa đơn mua bán khống; không có cơ sở xác định được từ hành vi mua bán hóa đơn trái phép có dẫn đến trốn thuế hay không và số thuế trốn là bao nhiêu?

2. Theo xác định của Cơ quan CSĐT CA quận S thì Nguyễn Thanh H có mua bán than, đất không rõ nguồn gốc để bán lại kiếm lời (không có cơ sở xác định chính xác số lượng than, đất không rõ nguồn gốc), nên không đủ căn cứ để xác định chính xác các khoản thuế bị thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước.

3. Toàn bộ hồ sơ, chứng từ kế toán và sổ sách kế toán liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty THA đã bị Nguyễn Thanh H tiêu hủy nên việc xác định mức độ thiệt hại đối với Nhà nước từ hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Công ty T chỉ căn cứ vào các tờ khai thuế GTGT, các hóa đơn GTGT mua bán trái phép là chưa đủ cơ sở để xác định mức thiệt hại về thuế xảy ra tại Công ty T.

+ Đối với các doanh nghiệp đã nhận hóa đơn bất hợp pháp từ Công ty T do Nguyễn Thanh H - Giám đốc Công ty bán, do Cơ quan điều tra cung cấp thì có trường hợp xuất khống, có trường hợp có hàng thực xuất nhưng không cụ thể số lượng, đơn giá, thành tiền, đơn vị mua nên việc xác định mức độ thiệt hại về thuế đối với ngân sách Nhà nước là không có cơ sở.

Do đó không có cơ sở để xem xét xử lý hành vi trốn thuế của Nguyễn Thanh H.

* Biện pháp tư pháp:

- Đề nghị Hội đồng xét xử buộc Nguyễn Thanh H nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 804.560.660 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, Nguyễn Thanh H đã nộp lại được 220.000.000 đồng vào tài khoản của Sở Tài chính Đà Nẵng, do đó số tiền Nguyễn Thanh H còn phải tiếp tục nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là 584.560.660 đồng.

- Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền Phạm Thị Tuyết H thu lợi bất chính là 27.430.545 đồng đã nộp vào tài khoản của Sở Tài chính Đà Nẵng.

- Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 9.980.000 đồng Nguyễn Thị L đã nộp vào tài khoản của Sở Tài chính Đà Nẵng.

- Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính mà Trần Thị Thu H , Hồ Thị Ánh V(đại diện Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ và Xây dựng A) đã nộp vào tài khoản của Sở tài chính thành phố Đà Nẵng. Cụ thể:

+ Trần Thị Thu H đã nộp 2.350.000 đồng vào tài khoản của Sở tài chính thành phố Đà Nẵng ngày 19.10.2017.

+ Hồ Thị Ánh V đã nộp 6.800.000 đồng vào tài khoản của Sở tài chính thành phố Đà Nẵng ngày 18.10.2017.

- Đề nghị truy thu số tiền thu lợi bất chính từ việc bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng để sung công quỹ Nhà nước của:

Ông Nguyễn Phước Avà bà Nguyễn Thị Ý N (Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N) số tiền: 1.500.000 đồng;

Ông Lê Minh D (Công ty TNHH TM và DV T) số tiền: 6.675.000 đồng;

Bà Võ Thị T (Công ty TNHH TM và DV H) số tiền: 9.990.000 đồng;

Ông Bùi Việt T (Doanh nghiệp tư nhân T) số tiền: 1.564.500 đồng;

Bà Mai Kim T (Doanh nghiệp tư Nh M) số tiền: 6.975.000 đồng;

Ông Phạm N (Công ty TNHH T) số tiền: 3.150.000 đồng.

- Đối với Nguyễn Thị L đã mua trái phép 08 hóa đơn của Công ty T bán cho Công ty cổ phần B (03 tờ), Công ty S (04 tờ), Công ty N (01 tờ), còn lại 02 tờ hóa đơn (Công ty S 01 tờ và Công ty N 01 tờ) L không thừa nhận mua bán hóa đơn vì năm 2015, L không mua bán hóa đơn với H nữa mà bên mua tự liên hệ với H. L hưởng lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn của Công ty T là 9.987.000 đồng và đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 9.980.000 đồng vào tài khoản của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng. Hành vi của L không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra đã kiến nghị Cơ quan thuế xử lý theo thẩm quyền.

- Đối với Trần Thị Thu H đã thông qua Phạm Thị Tuyết H mua trái phép 07 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty T cho các Công ty TNHH xây lắp B và Công ty cổ phần xây dựng H , thu lợi bất chính số tiền 2.350.000 đồng và đã nộp số tiền trên vào tài khoản của Sở Tài chính TP Đà Nẵng. Hành vi của Phạm Thị Thu H không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đối với Nguyễn Thanh H1 (người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH MTV T.B.L) được anh ruột là Nguyễn Thanh H nhờ đứng tên thành lập Công ty TNHH MTV T.B.L, Nguyễn Thanh H1 đưa CMND cho H làm thủ tục thành lập doanh nghiệp. Nguyễn Thanh H1 không tham gia quản lý hoạt động kinh doanh công ty TNHH MTV T.B.L; Nguyễn Thị Bích K, Từ Â, Nguyễn Văn K: Ba người này có tên là cổ đông góp vốn vào Công ty T nhưng thực tế không có góp vốn, không tham gia điều hành hoạt động Công ty T;

Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thị Bích K, Từ Ân, Nguyễn Văn K không biết việc Nguyễn Thanh H mua bán trái phép hóa đơn nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với các đối tượng H1, H2, A hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

- Đối với 09 doanh nghiệp thừa nhận mua trái phép hóa đơn của Công ty T và 07 doanh nghiệp thừa nhận bán trái phép hóa đơn cho Công ty T, Cơ quan điều tra đã có văn bản số 187/CQĐT ngày 11.4.2019 gửi Cục thuế thành phố Đà Nẵng đề nghị xác định có hay không hành vi trốn thuế và thiệt hại đối với Nhà nước của các đơn vị

này; trường hợp không đủ cơ sở xác định mức độ thiệt hại cho Nhà nước từ hành vi mua bán hóa đơn trái phép cũng như không xác định được hậu quả gây thất thu thuế Cơ quan điều tra Công an quận S kiến nghị Cục thuế thành phố Đà Nẵng xử lý các đơn vị doanh nghiệp nói trên theo đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, hiện nay cơ quan thuế chưa có kết quả trả lời nên tách ra để tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

- Đối với Công ty TNHH MTV P là doanh nghiệp đăng ký kinh doanh và hoạt động tại tỉnh Thừa Thiên Huế thừa nhận mua trái phép hóa đơn của Công ty T Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị xác định có hay không hành vi trốn thuế và thiệt hại đối với Nhà nước của đơn vị này; trường hợp không đủ cơ sở xác định mức độ thiệt hại cho Nhà nước từ hành vi mua bán hóa đơn trái phép cũng như không xác định được hậu quả gây thất thu thuế Cơ quan điều tra Công an quận S kiến nghị Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế xử lý đơn vị doanh nghiệp nói trên theo đúng thẩm quyền. Hiện nay cũng chưa nhận được kết quả trả lời của Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế nên tách ra để tiếp tục làm rõ xử lý sau.

- Đối với Công ty cổ phần công nghệ thương mại V: năm 2014 và 2015, Công ty T kê khai thuế đầu vào 12 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty cổ phần công nghệ thương mại V (năm 2014: 07 hóa đơn và năm 2015: 05 hóa đơn) với doanh số trước thuế là: 10.904.389.890 đồng. Mặc dù ông Nguyễn Mạnh Đ, đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần công nghệ thương mại V và bà Ngô Thị T - kế toán Công ty trình bày đã trực tiếp ký kết hai hợp đồng mua bán sắt thép với Nguyễn Thanh H, giám đốc Công ty T vào ngày 01.11.2010 và hợp đồng số 62 ngày 06.02.2012. Việc giao dịch mua bán sắt thép là có thật chứ không mua bán khống hóa đơn. Từ năm 2015, Công ty cổ phần công nghệ thương mại V không bán hàng gì cho Công ty T và không xuất bất cứ một hóa đơn nào cho Công ty T nữa; 05 số hóa đơn của năm 2015 có ký hiệu AA/15P mà Công ty T kê khai không phải của Công ty cổ phần công nghệ thương mại V phát hành (Công ty cổ phần công nghệ thương mại V không phát hành hóa đơn mẫu AA/15P). Tuy nhiên, tại phiên tòa Nguyễn Thanh H thừa nhận chỉ mua hóa đơn chứ không có hàng hóa. Xét thấy có dấu hiệu làm giả 05 hóa đơn của năm 2015 có ký hiệu AA/15P nên cần phải tách hành vi này ra để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau.

- Đối với việc H thừa nhận có mua hóa đơn trái phép của Công ty Đ , Công ty 1 và Công ty A thông qua Đoàn Thanh L. Qua điều tra, xác minh các Công ty này đều không xuất hóa đơn cho Công ty T, các số hóa đơn mà Công ty T mua của Đoàn Thanh L Công ty Đ, Công ty 1 và Công ty A xuất cho đơn vị khác. Hiện nay cũng chưa xác định được nhân thân lai lịch của đối tượng Đoàn Thanh L nên tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau.

- Ngoài hành vi mua bán trái phép hóa đơn, Nguyễn Thanh H còn thông qua Đoàn Thanh L (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) và đối tượng tên S (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) liên hệ mua than không rõ nguồn gốc tại Cọc 6 C, Quảng Ninh để bán lại kiếm lời. Tuy nhiên, qua xác minh không xác định được đơn vị nào đã bán than cho H nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau đối với L và S. Còn đối với mặt hàng đất không rõ nguồn gốc, H khai mua của anh Nguyễn Thành T (Công ty N) và một số hộ dân ở huyện H. Toàn bộ việc mua bán than, đất nói trên đều được trả bằng tiền mặt và không có giấy tờ chứng minh, không có đủ cơ sở để xác định chính xác số lượng than, đất không rõ nguồn gốc nên chưa đủ cơ sở để xác định hành vi trốn thuế cũng như các khoản thuế bị thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước từ việc mua bán than, đất không rõ nguồn gốc của Nguyễn Thanh H.

- Đối với Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại P, người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Lê Tường Phúc H khai bà không biết gì và cũng không liên quan gì đối với Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại P; kết quả giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Bá P là người nộp hồ sơ đăng ký thành lập Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại P và Lê Tường Phúc H với chữ ký, chữ viết trên hồ sơ đăng ký thành lập Công ty P, Công ty L không phải do cùng một người viết ra. Qua điều tra, Nguyễn Bá P khai từ trước đến nay không thành lập doanh nghiệp nào, không liên quan gì đến hai Công ty P và Công ty L ; Nguyễn Bá P cũng không biết Nguyễn Thanh H là ai. Do đó, có dấu hiệu làm giả hồ sơ thành lập công ty P và Công ty L nhằm mục đích mua bán hóa đơn nên Cơ quan điều tra đã tách ra riêng để điều tra, làm rõ sau.

- Đối với các Công ty cổ phần T , Công ty K , Công ty H , Công ty N , Công ty cổ phần M , Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ T , Công ty TNHH MTV N là các doanh nghiệp có quan hệ mua bán hàng hóa thật với Công ty T nên không đề cập đến.

- Đề nghị tịch thu, tiêu hủy hai con dấu của Công ty T và Công ty TNHH MTV TM và DV T.B.L (Hiện đang được lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án).

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị T là Luật sư Võ Văn T trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo, luật sư thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, luật sư cho rằng vai trò của bị cáo hoàn toàn thụ động, bị cáo không được lợi nhuận gì, bị cáo chỉ là người làm thuê hưởng lương và làm theo sự chỉ đạo của Nguyễn Thanh H nên cần phải xác định vai trò của bị cáo trong vụ án là thứ yếu; luật sư đề nghị áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 vì bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi khi quyết định hình phạt đối với bị cáo

và đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất mà Viện kiểm sát đề nghị.

Tại phiên tòa các bị cáo trình bày lời nói sau cùng:

Các bị cáo đều đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật và biết ăn năn hối cải; các bị cáo đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để có điều kiện sửa chữa sai lầm, giúp đỡ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an quận S; Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm; vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ tại phiên tòa để điều tra bổ sung. Cụ thể như sau:

Tại phiên tòa ngày 07.5.2019, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận S đã ra Quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 28/2019/HSST- QĐ để:

- Điều tra làm rõ có hay không hành vi trốn thuế và thiệt hại về thuế đối với Nhà nước của các Công ty cổ phần B, Công ty TNHH H, Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ V (điều tra, đối chất làm rõ sự mâu thuẫn trong lời khai của Nguyễn Thanh H với Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ V);

- Tiến hành lấy lời khai, điều tra, thu thập tài liệu chứng cứ đối với Công ty T, Công ty Sao Việt N, tiến hành đối chất để làm rõ có hay không hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Thanh H với Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông S; có hay không hành vi trốn thuế của Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông Svà thiệt hại về thuế đối với Nhà nước là bao nhiêu.

- Điều tra làm rõ có hay không hành vi mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước của Công ty vật tư thiết bị H. Tiến hành lấy lời khai ông Nguyễn T- người đại diện theo pháp luật của Công ty vật tư thiết bị H tại thời điểm trước ngày 01.10.2017 để làm rõ vấn đề này.

- Bổ sung văn bản kiến nghị Cơ quan thuế xử lý theo thẩm quyền đối với các Công ty thừa nhận có mua bán trái phép hóa đơn của Công ty T với số thuế giá trị gia tăng dưới 100.000.000 đồng hoặc mua bán với Nguyễn Thanh H dưới 10 số hóa đơn;

- Thu thập lời khai Nguyễn Bá P để làm rõ có hay không việc mua bán trái phép hóa đơn giữa Nguyễn Thanh H với Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại L do Nguyễn Bá P là người đại diện theo pháp luật; đồng thời làm rõ mối quan

hệ của Nguyễn Bá P với Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại P , với bà Lê Tường Phúc H, động cơ, mục đích thành lập Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại P , ai là người xuất 06 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại P cho Công ty THA của Nguyễn Thanh H.

- Xem xét và cân nhắc để truy tố Phạm Thị Tuyết H theo tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

- Bổ sung chữ ký của Điều tra viên vào Biên bản ghi lời khai của Ông Đặng Xừ K - Chủ Hộ kinh doanh K, và Biên bản ghi lời khai của ông Đinh Quang H- người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng dịch vụ thương mại V.

- Tiến hành lấy lời khai ông Hoàng Xuân N - nhân viên kỹ thuật Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông S, Chỉ huy trưởng công trình Bệnh viện đa khoa huyện H do Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông S thi công để làm rõ có hay không hành vi mua bán khống hóa đơn của Nguyễn Thanh H cho Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông S.

- Tiến hành lấy lời khai của người đại diện theo pháp luật Công ty TNHH H (Công ty TNHH H Chi nhánh Quảng Bình là đơn vị trực thuộc hoạt động theo sự ủy quyền của Công ty TNHH H, hiện đã bỏ địa điểm kinh doanh) để làm rõ có hay không việc Công ty TNHH H Chi nhánh Quảng Bình mua bán trái phép 10 tờ hóa đơn giá trị gia tăng với Công ty T .

- Thu thập Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH Thương mại dịch vụ P để có cơ sở thu thập lời khai của người đại diện theo pháp luật của Công ty làm rõ các vấn đề liên quan đến vụ án.

- Tiến hành thu thập lời khai của ông Nguyễn Gia P- người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH xây dựng và thương mại K để làm rõ có hay không việc mua bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Thanh H; xác minh làm rõ việc năm 2014 ông Nguyễn Gia P bị tai nạn, nay đã hồi phục chưa? Nếu chưa hồi phục, có ảnh hưởng đến trí nhớ, đến năng lực hành vi thì phải tiến hành giám định tâm thần và cử người đại diện theo quy định của pháp luật.

- Tiến hành thu thập lời khai của ông Hồ Lê K - người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại G để làm rõ các vấn đề liên quan đến vụ án (ông K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 6 Vĩnh Điềm Trung, phường H, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa).

- Tiến hành thu thập lời khai của ông Nguyễn Văn T - người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH đầu tư và phát triển 1 để làm rõ Công ty TNHH đầu tư và phát triển 1 có xuất bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng cho Nguyễn Thanh H không?

- Thu thập Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để tiến hành lấy lời khai người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH B, làm rõ có hay không việc mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty này với Nguyễn Thanh H.

Sau khi nhận được Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung, Viện kiểm sát nhân dân quận S đã phối hợp với Cơ quan điều tra Công an quận S điều tra bổ sung theo yêu cầu của Tòa án.

Mặc dù Viện kiểm sát không thay đổi quan điểm truy tố tại Cáo trạng số 01/CT - VKS ngày 12.12.2018 nhưng kết quả điều tra bổ sung đã làm rõ một số vấn đề liên quan trong vụ án và khắc phục những vi phạm về thủ tục tố tụng đã nêu tại Quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung số 28/2019/HSST- QĐ ngày 07.5.2019.

Ngoài ra, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát rút một phần trong nội dung truy tố đối với Nguyễn Thanh H về hành vi mua bán hóa đơn với 03 Công ty cổ phần công nghệ và truyền thông S, Công ty TNHH MTV thương mại và dịch vụ V, Công ty TNHH H vì các Công ty này mua bán có hàng hóa thật với Công ty T. Xét thấy việc rút một phần nội dung truy tố của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên chấp nhận.

[2] Tại phiên tòa các bị các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác mà cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ năm 2013 đến năm 2016, Nguyễn Thanh H - Người đại diện theo pháp luật của Công ty T, có trụ sở tại địa chỉ số 63 Tô Hiến Thành, phường P, quận S, TP. Đà Nẵng đã bán trái phép 80 tờ hóa đơn giá trị gia tăng nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo cho cho 29 đơn vị với doanh số chưa thuế là: 10.794.046.634 đồng, đồng thời thành lập Công ty TNHH MTV TM và DV T.B.L để xuất khống 29 hóa đơn giá trị gia tăng với doanh số chưa thuế là: 23.590.078.940 đồng và mua trái phép 300 tờ hóa đơn giá trị gia tăng với doanh số chưa thuế là 67.519.837.138 đồng nhằm hợp thức hóa đầu vào của Công ty T để thu lợi bất chính với số tiền là: 804.560.660 đồng.

Mặc dù biết hành vi mua bán hóa đơn trái phép của Nguyễn Thanh H, nhưng dưới sự chỉ đạo của Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị T đã ghi khống 23 hóa đơn giá trị gia tăng với mặt hàng nhân công của Công ty T, có tổng doanh số chưa thuế là: 3.695.285.694 đồng, giúp cho Nguyễn Thanh H thu lợi bất chính với số tiền là: 283.030.022 đồng.

Phạm Thị Tuyết H đã môi giới, mua và bán trái phép 15 tờ hóa đơn cho Công ty T với tổng doanh số chưa thuế là: 2.611.646.037 đồng và hợp thức thanh toán qua ngân hàng giúp Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị L để thu lợi bất chính số tiền là 27.430.545 đồng; riêng đối với Nguyễn Thanh H bị cáo H3 đã giúp H thu lợi bất chính số tiền 159.834.566 đồng.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là cố ý, đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước về tài chính, kinh tế, gây mất trật tự trong sản xuất kinh doanh, thiệt hại tới Ngân sách Nhà nước. Do đó, các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị T, Phạm Thị Tuyết H đã phạm vào tội *"Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước"* như quan điểm truy tố của Viện kiểm sát nhân dân quận S đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Căn cứ vào Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi bổ sung một số điều theo luật số 12/2017/QH 14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật tố tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13 thì cần áp dụng quy định tại Điều 203 và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử các bị cáo về tội *"Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước"* là phù hợp.

[3] Xét vai trò của từng bị cáo trong vụ án thì thấy, bị cáo Nguyễn Thanh H là người chủ mưu, chủ động đề nghị L, H3 tham gia vào việc mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng, chỉ đạo bị cáo T thực hiện hành vi viết hóa đơn giá trị gia tăng để bán trái phép, giả chữ ký của người đại diện theo pháp luật để đăng ký hồ sơ mở tài khoản Ngân hàng, hồ sơ thuế, viết hóa đơn của Công ty TNHH MTV TM và DV TBL để xuất khống cho Công ty T. Do đó, bị cáo Nguyễn Thanh H là người giữ vai trò cầm đầu trong vụ án; Bị cáo bán trái phép 80 tờ hóa đơn nhưng không có hàng hóa, dịch vụ kèm theo cho cho 29 đơn vị với doanh số chưa thuế là: 10.794.046.634 đồng, đồng thời thành lập Công ty TNHH MTV TM và DV T.B.L để xuất khống 29 hóa đơn giá trị gia tăng với doanh số chưa thuế là: 23.590.078.940 đồng và mua trái phép 300 tờ hóa đơn giá trị gia tăng với doanh số chưa thuế là 67.519.837.138 đồng nhằm hợp thức hóa đầu vào của Công ty T để thu lợi bất chính với số tiền là: 804.560.660 đồng.

Do đó, bị cáo đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự năm 2015; đồng thời có nhiều Công ty bị cáo đã mua bán trái phép từ 10 hóa đơn trở lên nên đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội hai lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải xét xử bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, đồng thời phạt bổ sung đối với bị cáo bằng hình thức phạt tiền mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục.

Xét thấy, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, rõ ràng, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 220.000.000 đồng để khắc phục hậu quả; bản thân bị cáo là bộ đội xuất ngũ và có cha Nguyễn Hữu T được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng Ba, mẹ Trần Thị Kim T được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng Nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 Hội đồng xét xử thấy cần xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình.

[4] Đối với bị cáo Nguyễn Thị T, giữ vai trò đồng phạm, giúp sức cho Nguyễn Thanh H. T nhận thức được việc kê khai thuế các hóa đơn đầu vào mặt hàng xi măng (do Hải mua trái phép) là để hợp thức cho việc xuất bán trái phép hóa đơn cũng như hợp thức cho hàng hóa (than, đất) do Hải mua trôi nổi, không có nguồn gốc; T cũng biết Công ty T không có khả năng cung cấp dịch vụ là nhân công nhưng theo sự chỉ đạo của H, T đã trực tiếp viết 23 hóa đơn mặt hàng nhân công của Công ty T với doanh số chưa thuế ghi trên hóa đơn là: 3.695.285.694 đồng để H bán trái phép cho 10 doanh nghiệp, trong đó bán thông qua môi giới của Nguyễn Thị L và Phạm Thị Tuyết H 11 hóa đơn cho 04 doanh nghiệp là: Công ty cổ phần B , Công ty TNHH B, Công ty cổ phần H và Công ty cổ phần S với doanh số chưa thuế là: 2.436.002.421 đồng.

Việc ghi 23 hóa đơn trên đã giúp Hbán và thu lợi bất chính số tiền là: 2.436.002.421đồng x 8% + (3.695.285.694 đồng - 2.436.002.421 đồng) x 7% = 283.030.022 đồng. Ngoài ra, cũng theo sự chỉ đạo của H, T ký giả chữ ký của người đại diện theo pháp luật để đăng ký hồ sơ mở tài khoản ngân hàng, hồ sơ thuế và thừa nhận viết 18 hóa đơn của Công ty T.B.L để xuất khống cho Công ty T. T không trực tiếp tham gia việc mua bán hóa đơn và không hưởng lợi gì từ việc mua bán hóa đơn của H, T chỉ là người làm thuê cho H.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải xét xử bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án.

Mặc dù bị cáo là đồng phạm giúp sức cho Nguyễn Thanh H nhưng bị cáo hoàn toàn thụ động, thực hiện theo sự chỉ đạo của Nguyễn Thanh H, ngoài tiền lương được nhận hàng tháng bị cáo không được hưởng bất cứ lợi nhuận gì vì vậy bị cáo có vị trí, vai trò thứ yếu trong vụ án. Theo hướng dẫn tại văn bản số 01/2017/GĐ - TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ thì Nguyễn Thị T được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Mặt khác, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, rõ ràng, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, có ông nội là Nguyễn Văn Y được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Nhất. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình. Xét thấy bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần căn cứ Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo, đồng thời phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền cũng đảm bảo cho bị cáo cải tạo trở thành công dân tốt.

Xét ý kiến bào chữa của vị Luật sư đối với bị cáo Nguyễn Thị T phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

Trong quá trình tố tụng bị cáo Nguyễn Thị T có tự nguyện nộp số tiền 3000.000 đồng tại biên lai thu số 08939 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S để khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, trong vụ án này không xác định được thiệt hại đối với ngân sách Nhà nước, Nguyễn Thị T cũng không được hưởng lợi gì từ việc giúp cho Nguyễn Thanh H mua bán trái phép hóa đơn nên không áp dụng được tình tiết giảm nhẹ khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo. Do vậy số tiền này sẽ được tiếp tục quy trữ để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

[5] Đối với bị cáo Phạm Thị Tuyết H, là người giữ vai trò đồng phạm, giúp sức cho bị cáo Nguyễn Thanh H mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng và trực tiếp hợp thức thanh toán qua Ngân hàng 15 tờ hóa đơn cho Công ty T; ngoài ra còn hợp thức thanh toán qua ngân hàng giúp Nguyễn Thanh H 12 tờ hóa đơn bán cho 06 Công

ty; H3 đã giúp Nguyễn Thanh H thu lợi bất chính 159.834.566 đồng từ các hành vi trên; H3 nhận thức được việc Nguyễn Thanh H nhờ đi hợp thức tại Ngân hàng là giúp sức cho hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng của H; mặc dù không được Nguyễn Thanh H chia chác số tiền hưởng lợi nhưng bản thân H3 cũng có mục đích hưởng lợi từ việc giúp sức cho Nguyễn Thanh H mua bán trái phép hóa đơn và thực tế H3 cũng hưởng lợi được 27.430.545 đồng. Như vậy, hành vi của Phạm Thị Tuyết H đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự nhưng Viện kiểm sát chỉ truy tố Phạm Thị Tuyết H theo khoản 1 Điều 203 là chưa thỏa đáng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần phải xét xử bị cáo mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội và vai trò của bị cáo trong vụ án.

Tuy nhiên, số lượng hóa đơn giá trị gia tăng Phạm Thị Tuyết H giúp cho Nguyễn Thanh H mua bán không nhiều vì vậy vai trò của bị cáo trong vụ án cũng không đáng kể. Theo hướng dẫn tại văn bản số 01/2017/GĐ - TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân Tối cao giải đáp một số vấn đề nghiệp vụ thì Phạm Thị Tuyết H cũng được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*" quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Mặt khác, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, rõ ràng, biết ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy cần xem xét áp dụng cho bị cáo khi lượng hình. Xét thấy bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần căn cứ Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà áp dụng hình phạt tiền cũng đảm bảo tính giáo dục, răn đe đối với bị cáo.

[6] Biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Buộc Nguyễn Thanh H nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 804.910.659 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, Nguyễn Thanh H đã nộp lại được 220.000.000 đồng vào tài khoản số 3941.0.1012230.00000 của Sở Tài chính Đà Nẵng trong các ngày 17.10.2017, 18.7.2018, do đó số tiền Nguyễn Thanh H còn phải tiếp tục nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là 584.910.659 đồng.

- Sung vào ngân sách Nhà nước số tiền Phạm Thị Tuyết H thu lợi bất chính là 27.430.545 đồng. Tuy nhiên, Phạm Thị Tuyết H đã nộp vào tài khoản số 3941.0.1012230.00000 của Sở Tài chính Đà Nẵng trong các ngày 16.10.2017, 05.3.2018, 29.6.2018 số tiền 27.435.000 đồng. Phạm Thị Tuyết H không yêu cầu phải hoàn trả lại số tiền 4.455 đồng nộp thừa nên toàn bộ số tiền 27.435.000 đồng sẽ được tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc Nguyễn Thị L phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 9.987.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, Nguyễn Thị L đã nộp lại được 9.980.000 đồng vào tài khoản số 3941.0.1012230.00000 của Sở Tài chính Đà Nẵng vào ngày 16.10.2017, do đó số tiền Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là 7.000 đồng.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính mà Trần Thị Thu H , Hồ Thị Ánh V (đại diện Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ và Xây dựng A) đã nộp vào tài khoản của Sở tài chính thành phố Đà Nẵng. Cụ thể:

+ Trần Thị Thu H đã nộp 2.350.000 đồng vào tài khoản số 3941.0.1012230.00000 của Sở tài chính thành phố Đà Nẵng ngày 19.10.2017.

+ Hồ Thị Ánh V đã nộp 6.800.000 đồng vào tài khoản số 3941.0.1012230.00000 của Sở tài chính thành phố Đà Nẵng ngày 18.10.2017.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính từ việc bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng để sung công quỹ Nhà nước của:

Ông Nguyễn Phước A và bà Nguyễn Thị Ý N (Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N) số tiền: 1.500.000 đồng;

Ông Lê Minh D (Công ty TNHH TM và DV T) số tiền: 6.675.000 đồng;

Bà Võ Thị T (Công ty TNHH TM và DV H) số tiền: 9.990.000 đồng;

Ông Bùi Việt T (Doanh nghiệp tư nhân T) số tiền: 1.564.500 đồng;

Bà Mai Kim T (Doanh nghiệp tư nhân M) số tiền: 6.975.000 đồng;

Ông Phạm N (Công ty TNHH T) số tiền: 3.150.000 đồng.

[7] Căn cứ vào Kết luận giám định ngày 26.10.2018 kèm theo Quyết định số: 4088/QĐ-CT ngày 04.10.2018 của Cục thuế TP Đà Nẵng; Công văn số: 4340/CT-TTr2 ngày 06.11.2018 của Cục thuế TP Đà Nẵng về việc giải thích nội dung giám định và Công văn số: 4439/CT-TTr2 ngày 12.11.2018 của Cục thuế TP Đà Nẵng về việc xác định mức thiệt hại đối với Nhà nước xác định:

1. Về nội dung thứ 1: Từ hành vi mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng của Nguyễn Thanh H, xác định có dấu hiệu trốn thuế không? Nếu có, thiệt hại về thuế là bao nhiêu?

Trên cơ sở hồ sơ tài liệu do Cơ quan CSĐT CA quận S cung cấp, Giám định viên chỉ giám định được Công ty THA đã khai thuế GTGT đầu vào, khai thuế GTGT đã khấu trừ của các hóa đơn mua bán khống; không có cơ sở xác định được từ hành vi mua bán hóa đơn trái phép có dẫn đến trốn thuế hay không và số thuế trốn là bao nhiêu?

2. Về nội dung thứ 2: Nguyễn Thanh H có mua bán than, đất không rõ nguồn gốc để bán lại kiếm lời (không có sơ sở xác định chính xác số lượng than, đất không rõ nguồn gốc). Cắn cứ váo tài liệu đã thu thập được, có xác định được hành vi trốn thuế của Nguyễn Thanh H không? Nếu có, thiệt hại về thuế là bao nhiêu?

Theo xác định của Cơ quan CSĐT CA quận S thì Nguyễn Thanh H có mua bán than, đất không rõ nguồn gốc để bán lại kiếm lời (không có cơ sở xác định chính xác số lượng than, đất không rõ nguồn gốc), nên không đủ căn cứ để xác định chính xác các khoản thuế bị thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước.

3. Nội dung thứ 3: Xác định mức thiệt hại đối với Nhà nước từ hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Nguyễn Thanh H?

+ Toàn bộ hồ sơ, chứng từ kế toán và sổ sách kế toán liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty THA đã bị Nguyễn Thanh H tiêu hủy nên việc xác định mức độ thiệt hại đối với Nhà nước từ hành vi mua bán trái phép hóa đơn của Công ty THA chỉ căn cứ vào các tờ khai thuế GTGT, các hóa đơn GTGT mua bán trái phép là chưa đủ cơ sở để xác định mức thiệt hại về thuế xảy ra tại Công ty THA.

+ Đối với các doanh nghiệp đã nhận hóa đơn bất hợp pháp từ Công ty THA do Nguyễn Thanh H - Giám đốc Công ty bán, do Cơ quan điều tra cung cấp thì có trường hợp xuất khống, có trường hợp có hàng thực xuất nhưng không cụ thể số lượng, đơn giá, thành tiền, đơn vị mua nên việc xác định mức độ thiệt hại về thuế đối với ngân sách Nhà nước là không có cơ sở.

Do đó không có cơ sở để xem xét, xử lý hành vi trốn thuế của Nguyễn Thanh H.

[8] Đối với Nguyễn Thị L đã mua trái phép 08 hóa đơn của Công ty T bán cho Công ty cổ phần B (03 tờ), Công ty S (04 tờ), Công ty N (01 tờ), còn lại 02 tờ hóa đơn (Công ty S 01 tờ và Công ty N 01 tờ) L không thừa nhận mua bán hóa đơn vì năm 2015, L không mua bán hóa đơn với H nữa mà bên mua tự liên hệ với H. L hưởng lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn của Công ty T là 9.987.000 đồng và đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính 9.980.000 đồng vào tài khoản của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng. Hành vi của L không đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra đã kiến nghị Cơ quan thuế xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

[9] Đối với Trần Thị Thu H đã thông qua Phạm Thị Tuyết H mua trái phép 07 hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty T cho Công ty TNHH xây lắp B và Công ty cổ phần xây dựng H thu lợi bất chính số tiền 2.350.000 đồng và đã nộp số tiền trên vào tài khoản của Sở Tài chính TP Đà Nẵng. Hành vi của Phạm Thị Thu H không đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan điều tra không truy cứu TNHS là phù hợp.

[10] Đối với Nguyễn Thanh H1 (người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV T.B.L) được anh ruột là Nguyễn Thanh H nhờ đứng tên thành lập Công ty TNHH MTV T.B.L, Nguyễn Thanh H1 đưa CMND cho H làm thủ tục thành lập doanh nghiệp. Nguyễn Thanh H1không tham gia quản lý hoạt động kinh doanh của Công ty T.B.L; Nguyễn Thị Bích K, Từ Â, Nguyễn Văn K: Ba người này có tên là cổ đông góp vốn vào Công ty T nhưng thực tế không góp vốn, không tham gia điều hành hoạt động Công ty T;

Nguyễn Thanh H1, Nguyễn Thị Bích K, Từ Â, Nguyễn Văn K không biết việc Nguyễn Thanh H mua bán trái phép hóa đơn nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

[11] Đối với các đối tượng H1, H2, A hiện chưa rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[12] Đối với 09 doanh nghiệp thừa nhận mua trái phép hóa đơn của Công ty T gồm: Công ty cổ phần B , Công ty TNHH xây lắp B , Công ty cổ phần xây dựng H , Công ty TNHH Đầu tư và phát triển công nghệ S, Xí nghiệp tư vấn và thiết kế II, Công ty cồ phần S, Công ty TNHH MTV L, Công ty TNHH MTV XD M, Công ty cổ phần T và 07 doanh nghiệp thừa nhận bán trái phép hóa đơn cho Công ty T gồm: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N, Công ty TNHH MTV TMDV và XD A, Công ty TNHH TM và DV T, Công ty TNHH TM và DV H, Doanh nghiệp tư nhân T, Doanh nghiệp tư nhân M, Công ty TNHH T Cơ quan điều tra đã có văn bản số 187/CQĐT ngày 11.4.2019 gửi Cục thuế thành phố Đà Nẵng đề nghị xác định có hay không hành vi trốn thuế và thiệt hại đối với Nhà nước của các đơn vị này; trường hợp không đủ cơ sở xác định mức độ thiệt hại cho Nhà nước từ hành vi mua bán hóa đơn trái phép cũng như không xác định được hậu quả gây thất thu thuế Cơ quan điều tra Công an quận S kiến nghị Cục thuế thành phố Đà Nẵng xử lý các đơn vị doanh nghiệp nói trên theo đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, tại công văn số 1940/CT-TTKT3 ngày 07.6.2019, Cục thuế thành phố Đà Nẵng đã xác định hầu hết các doanh nghiệp vi phạm đều đăng ký, kê khai nộp thuế tại các Chi cục thuế quận huyện và thời gian vi phạm của các doanh nghiệp diễn ra từ năm 2013, do vậy việc kiểm tra xử lý cần có thời gian để đảm bảo chặt chẻ, chính xác, đúng quy định. Hiện nay các Chi cục thuế

quận huyện, các phòng thanh tra kiểm tra đang kiểm tra xử lý, chưa có kết quả trả lời nên tách ra để tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[13] Đối với Công ty P là doanh nghiệp đăng ký kinh doanh và hoạt động tại tỉnh Thừa Thiên Huế thừa nhận mua trái phép hóa đơn của Công ty T Cơ quan điều tra đã có văn bản gửi Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế đề nghị xác định có hay không hành vi trốn thuế và thiệt hại đối với Nhà nước của đơn vị này; trường hợp không đủ cơ sở xác định mức độ thiệt hại cho Nhà nước từ hành vi mua bán hóa đơn trái phép cũng như không xác định được hậu quả gây thất thu thuế Cơ quan điều tra Công an quận S kiến nghị Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế xử lý đơn vị doanh nghiệp nói trên theo đúng thẩm quyền. Hiện nay cũng chưa nhận được kết quả trả lời của Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế nên tách ra để tiếp tục làm rõ xử lý sau.

[14] Đối với 19 doanh nghiệp có sử dụng hóa đơn của Công ty T, trong đó có Công ty N sử dụng 02 hóa đơn với doanh số chưa thuế là: 1.763.900.909 đồng nhưng công ty này đã giải thể, Công ty TNHH MTV N sử dụng 14 số hóa đơn vận chuyển nhưng tất cả đều được các tài xế không rõ tên tuổi và nơi cư trú cung cấp khi giao hàng, Công ty TNHH MTV N không giao dịch trực tiếp với Công ty T; có 06 doanh nghiệp là Công ty cổ phần tư vấn thiết kế xây dựng và dịch vụ thương mại C, Công ty TNHH TMDV P, Công ty TNHH TMDV P, Công ty TNHH xây dựng dịch vụ thương mại V, Công ty TNHH xây dựng và thương mại K, Công ty cổ phần thương mại dịch vụ C hiện nay đã có thông báo dừng hoạt động hoặc bỏ địa điểm kinh doanh, các thông tin do Cơ quan điều tra cung cấp cho Cơ quan thuế không đủ cơ sở để xác định mức độ thiệt hại về thuế đối với Ngân sách Nhà nước; 11 doanh nghiệp còn lại đều xác định việc mua bán hàng hóa hoặc sử dụng nhân công là có thật nhưng các Công ty này không giao dịch trực tiếp với công ty T, sau khi hoàn thành công trình hoặc kết thúc việc mua bán hàng hóa thì đơn vị thi công, người bán hàng giao cho các Công ty này hóa đơn của công ty T. Do đó, không có cơ sở để xem xét xử lý đối với các doanh nghiệp nói trên.

[15] Đối với Công ty cổ phần công nghệ thương mại V: Năm 2014 và 2015, Công ty T kê khai thuế đầu vào 12 tờ hóa đơn giá trị gia tăng của Công ty cổ phần công nghệ thương mại V (năm 2014: 07 hóa đơn và năm 2015: 05 hóa đơn) với doanh số trước thuế là: 10.904.389.890 đồng. Mặc dù ông Nguyễn Mạnh Đ, đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần công nghệ thương mại V và bà Ngô Thị T - kế toán Công ty trình bày đã trực tiếp ký kết hai hợp đồng mua bán sắt thép với Nguyễn Thanh H, giám đốc Công ty T vào ngày 01.11.2010 và hợp đồng số 62 ngày 06.02.2012. Việc giao dịch mua bán sắt thép là có thật chứ không mua bán khống hóa đơn. Từ năm 2015, Công ty cổ phần công nghệ thương mại V không bán hàng gì cho

Công ty T và không xuất bất cứ một hóa đơn nào cho Công ty T nữa; 05 số hóa đơn của năm 2015 có ký hiệu AA/15P mà Công ty T kê khai không phải của Công ty cổ phần công nghệ thương mại V phát hành (Công ty cổ phần công nghệ thương mại V không phát hành hóa đơn mẫu AA/15P). Tuy nhiên, Nguyễn Thanh H thừa nhận chỉ mua hóa đơn chứ không có hàng hóa. Như vậy, có dấu hiệu làm giả 05 hóa đơn mẫu AA/15P nên cần tách hành vi làm giả 05 hóa đơn nói trên để tiếp tục điều tra, xác minh xử lý sau là phù hợp.

[16] Đối với 32 doanh nghiệp có xuất hóa đơn cho Công ty T (trong đó có các Công ty xuất cho Công ty T từ 10 số hóa đơn trở lên gồm: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N số hóa đơn, Công ty vật tư thiết bị H 19 hóa đơn, Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ N 36 hóa đơn, Công ty TNHH N 12 hóa đơn, Doanh nghiệp tư nhân B 32 hóa đơn, Công ty TNHH H 27 hóa đơn, Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ Nh 14 hóa đơn), các Công ty này đều khẳng định việc giao dịch mua bán hàng hóa là có thật, không mua bán khống hóa đơn, khi giao dịch mua bán hàng đều thông qua hệ thống đại lý, người mua hàng hoặc tài xế (không rõ nhân thân, lai lịch), sau khi mua hàng khách hàng cung cấp thông tin và yêu cầu xuất hóa đơn cho Công ty T, các doanh nghiệp này không liên hệ trực tiếp với Công ty T; riêng Công ty TNHH N thì bị cháy không còn giấy tờ tài liệu gì để chứng minh và 08 doanh nghiệp còn lại là Công ty TNHH B, Công ty TNHH L, Doanh nghiệp tư nhân M, Công ty TNHH D, Công ty TNHH T , Công ty TNHH MTV xây dựng thương mại G, Doanh nghiệp tư nhân T, Công ty TNHH MTV TMDV và XD A hiện nay đã có thông báo dừng hoạt động hoặc bỏ địa điểm kinh doanh, do đó không đủ cơ sở để xem xét xử lý đối với các Công ty này.

[17] Đối với việc H thừa nhận có mua hóa đơn trái phép của Công ty cổ phần Đ, Công ty TNHH Đầu tư và phát triển 1 và Công ty A thông qua Đoàn Thanh L. Qua điều tra, xác minh các Công ty này đều không xuất hóa đơn cho Công ty T, các số hóa đơn mà Công ty T mua của Đoàn Thanh L , Công ty cổ phần Đ, Công ty TNHH Đầu tư và phát triển 1 và Công ty A xuất cho các đơn vị khác. Hiện nay cũng chưa xác định được nhân thân lai lịch của đối tượng Đoàn Thanh L nên tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau là phù hợp.

[18] Ngoài hành vi mua bán trái phép hóa đơn, Nguyễn Thanh H còn thông qua Đoàn Thanh L (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) và đối tượng tên S (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) liên hệ mua than không rõ nguồn gốc tại Cọc 6 C, Quảng Ninh để bán lại kiếm lời. Tuy nhiên, qua xác minh không xác định được đơn vị nào đã bán than cho H nên Cơ quan điều tra tách ra để tiếp tục điều tra xử lý sau đối với L và S là phù hợp. Còn đối với mặt hàng đất không rõ nguồn gốc, H khai mua

của anh Nguyễn Thành T (Công ty N) và một số hộ dân ở huyện H . Toàn bộ việc mua bán than, đất nói trên đều được trả bằng tiền mặt và không có giấy tờ chứng minh, không có đủ cơ sở để xác định chính xác số lượng than, đất không rõ nguồn gốc nên chưa đủ cơ sở để xác định hành vi trốn thuế cũng như các khoản thuế bị thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước từ việc mua bán than, đất không rõ nguồn gốc của Nguyễn Thanh H.

[19] Đối với Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại P, người đại diện theo pháp luật của Công ty là bà Lê Tường Phúc H khai bà không biết gì và cũng không liên quan gì đối với Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại P; kết quả giám định chữ ký, chữ viết của Nguyễn Bá P là người nộp hồ sơ đăng ký thành lập Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại P và Lê Tường Phúc H với chữ ký, chữ viết trên hồ sơ đăng ký thành lập Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại P, Công ty TNHH MTV XD và TM L không phải do cùng một người viết ra. Qua điều tra, Nguyễn Bá P khai từ trước đến nay không thành lập doanh nghiệp nào, không liên quan gì đến hai Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại P và Công ty TNHH MTV XD và TM L; Nguyễn Bá P cũng không biết Nguyễn Thanh H là ai. Do đó, có dấu hiệu làm giả hồ sơ thành lập Công ty TNHH MTV xây dựng và thương mại P và Công ty TNHH MTV XD và TM L nhằm mục đích mua bán hóa đơn nên Cơ quan điều tra đã tách ra riêng để điều tra, làm rõ sau.

[20] Đối với các Công ty cổ phần T , Công ty K, Công ty H, Công ty N, Công ty cổ phần M, Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ T, Công ty TNHH MTV N là các doanh nghiệp có quan hệ mua bán hàng hóa thật với Công ty T nên không đề cập đến.

[21] Về Xử lý vật chứng:

- Tài liệu thu giữ tại nhà của Nguyễn Thanh H, gồm 42 (bốn mươi hai) trang tài liệu (được đánh số từ 01 đến 42), cụ thể:

+ Bảng kê phiếu xuất vật tư từ ngày 1/5/2011 đến ngày 30/11/2011 (tờ 1-2).

+ Hợp đồng kinh tế số 8/HĐKT-THA ngày 16/5/2011 giữa Công ty T với Công ty TNHH Nguyễn Thành T(tờ 3-4).

+ Bảng kê khối lượng than (2/3 đến 10/5/2012) của công ty Nguyễn Thành T(tờ 5).

+ Bảng kê hóa đơn tháng 5 và tháng 6/2011 của công ty T (tờ 6).

+ Biên bản đối chiếu công nợ ngày 1/7/2011 giữa công ty T với công ty Nguyễn Thành T(tờ 7).

+ Công nợ tháng 8/2011 của công ty T (tờ 8).

+ Bảng kê hóa đơn tháng 7/2011 của công ty T (tờ 9-10).

+ Công nợ Trung mượn tiền của công ty T (tờ 11-12).

+ Lệnh chi ngày 29/6/2011đến công ty Nguyễn Thành T(tờ 13).

+ Phiếu thu ngày 5/6/2011(tờ 14).

+ Lệnh chi ngày 29/6/2011 đến công ty Nguyễn Thành T(tờ 15).

+ Lệnh chi ngày 17/6/2011 đến công ty Nguyễn Thành T(tờ 16).

+ Sổ chi tiết công nợ, khách hàng: công ty Nguyễn Thành T(tờ 17).

+ Lệnh chi ngày 17/6/2011 đến công ty Nguyễn Thành T(tờ 18).

+ Ủy nhiệm chi ngày 23/5/2011 đến công ty Nguyễn Thành T(tờ 19).

+ Biên bản họp ngày 3/8/2011 giữa công ty T và công ty Nguyễn Thành T(tờ 20).

+ Tờ khai thuế giá trị gia tăng tháng 11/2010 của công ty T (tờ 21).

+ Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra tháng 11/2010 của công ty T (tờ 22-23).

+ Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa, dịch vụ mua vào tháng 11/2010 của công ty T (tờ 24-26).

+ Hóa đơn GTGT số 80 ngày 8/8/2017 của công ty (tờ 27).

+ Ủy nhiệm chi ngày 9/11/2016, đơn vị thụ hưởng: công ty Trọng Anh S (tờ 28).

+ Ủy nhiệm chi ngày 30/9/2016, đơn vị thụ hưởng: công ty Trọng Anh S (tờ 29).

+ Lệnh chuyển tiền ngày 16/8/2016 của Ngân hàng Sacombank, người nộp: Nguyễn Thanh H (tờ 30).

+ Phiếu thu tiền mặt số 14191 ngày 17/9/2016 của Ngân hàng Sacombank, người nộp: Nguyễn Thanh H (tờ 31).

+ Ủy nhiệm chi ngày 16/8/2016, người thụ hưởng: công ty T (tờ 32).

+Lệnh chuyển tiền ngày 16/8/2016, đơn vị thụ hưởng: Hợp tác xã gạch không nung H (tờ 33).

+ Hợp đồng mua bán số 12052017/HĐKT/Vicem-THA ngày 12/5/2017 giữa công ty Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng với công ty T (tờ 34-36).

+ Hợp đồng mua bán số 12052017/HĐKT/Vicem-THA ngày 12/5/2017 giữa công ty Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng với công ty T (tờ 37-39).

+ Hợp đồng mua bán số 06/2014/TT giữa Công ty cổ phần T với công ty T (tờ 40-42).

Các tài liệu này được Cơ quan cảnh sát điều tra thu thập trong quá trình điều tra vụ án, nên tiếp tục lưu giữ để làm chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 (một) hình dấu tròn, màu đỏ xám, vỏ ngoài bằng nhựa, phía trên đỉnh bên trong mặt gương ghi chữ "Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ T * S.Đ.K.K.D: 0401378381- C.T.C*Q. S, TP Đà Nẵng", đây là hình con dấu của Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ T do Nguyễn Thanh H làm giám đốc và trực tiếp mua bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng; và 01 (một) hình dấu tròn, màu đỏ xám, vỏ ngoài bằng nhựa, phía trên đỉnh bên trong mặt gương ghi chữ "Công ty T.N.H.H Một thành viên Thương mại dịch vụ T.B.L *MSDN:4000849915-C.T.T.N*H. Đ, tỉnh Quảng Nam", đây là hình con dấu của Công ty T.N.H.H Một thành viên Thương mại dịch vụ T.B.L do Nguyễn Thanh H sử dụng CMND của Nguyễn Thanh H1 là em ruột của mình thành lập để xuất khống 29 hóa đơn giá trị gia tăng nhằm hợp thức đầu vào cho Công ty T.

HĐXX xét thấy Nguyễn Thanh H đã sử dụng con dấu của Công ty T nhằm mục đích mua bán hóa đơn; thành lập Công ty TBL, đăng ký con dấu không vì mục đích kinh doanh mà sử dụng con dấu làm công cụ để xuất hóa đơn giá trị gia tăng trái phép; Do vậy, cần căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy hai con dấu của hai Công ty nói trên là phù hợp (Hiện đang được lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án)

[22] Án phí hình sự sơ thẩm: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Thanh H, Nguyễn Thị T, Phạm Thị Tuyết H phạm tội *"Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước"*

1. Áp dụng điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh H 12 tháng tù về tội *"Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước"*. Trừ đi thời gian đã bị tạm giam trước đó là 05 tháng. Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt là 07 tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền 50.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội *"Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước"*. Thời gian cải tạo tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường T , quận H , thành phố Đà Nẵng quản lý, giám sát và giáo dục.

Hình phạt bổ sung: Phạt bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 203; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị Tuyết H 200.000.000 đồng về tội *"Mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ thu nộp ngân sách Nhà nước"*.

* Biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015:

- Buộc Nguyễn Thanh H nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 804.560.660 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, Nguyễn Thanh H đã nộp lại được 220.000.000 đồng vào tài khoản số 3941.0.1012230.00000 của Sở Tài chính Đà Nẵng trong các ngày 17.10.2017, 18.7.2018, do đó số tiền Nguyễn Thanh H còn phải tiếp tục nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là 584.560.660 đồng.

- Sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 27.435.000 đồng Phạm Thị Tuyết H đã nộp vào tài khoản số 3941.0.1012230.00000 của Sở Tài chính Đà Nẵng trong các ngày 16.10.2017, 05.3.2018, 29.6.2018.

- Buộc Nguyễn Thị L phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 9.987.000 đồng để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, Nguyễn Thị L đã nộp lại được 9.980.000 đồng vào tài khoản số 3941.0.1012230.00000 của Sở Tài chính Đà Nẵng vào ngày 16.10.2017, do đó số tiền Nguyễn Thị L còn phải tiếp tục nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là 7.000 đồng.

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính mà Trần Thị Thu H , Hồ Thị Ánh V(đại diện Công ty TNHH MTV thương mại dịch vụ và Xây dựng A) đã nộp vào tài khoản của Sở tài chính thành phố Đà Nẵng. Cụ thể:

+ Trần Thị Thu H đã nộp 2.350.000 đồng vào tài khoản số 3941.0.1012230.00000 của Sở tài chính thành phố Đà Nẵng ngày 19.10.2017.

+ Hồ Thị Ánh V đã nộp 6.800.000 đồng vào tài khoản số 3941.0.1012230.00000 của Sở tài chính thành phố Đà Nẵng ngày 18.10.2017.

- Truy thu số tiền thu lợi bất chính từ việc bán trái phép hóa đơn giá trị gia tăng để sung công quỹ Nhà nước của:

Ông Nguyễn Phước A và bà Nguyễn Thị Ý N (Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ N) số tiền: 1.500.000 đồng;

Ông Lê Minh D (Công ty TNHH TM và DV T) số tiền: 6.675.000 đồng;

Bà Võ Thị T(Công ty TNHH TM và DV H) số tiền: 9.990.000 đồng;

Ông Bùi Việt T(Doanh nghiệp tư nhân T) số tiền: 1.564.500 đồng;

Bà Mai Kim T (Doanh nghiệp tư nhân M) số tiền: 6.975.000 đồng;

Ông Phạm N (Công ty TNHH T) số tiền: 3.150.000 đồng.

2. Về Xử lý vật chứng:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) hình dấu tròn, màu đỏ xám, vỏ ngoài bằng nhựa, phía trên đỉnh bên trong mặt gương ghi chữ "Công ty cổ phần xây dựng thương mại và dịch vụ T * S.Đ.K.K.D: 0401378381- C.T.C*Q. S, TP. Đà Nẵng" và 01 (một) hình dấu tròn, màu đỏ xám, vỏ ngoài bằng nhựa, phía trên đỉnh bên trong mặt gương ghi chữ "Công ty T.N.H.H Một thành viên Thương mại dịch vụ T.B.L*MSDN:4000849915-C.T.T.N*H. Đ, tỉnh Quảng Nam" (Hiện đang được lưu giữ kèm theo hồ sơ vụ án).

- Tiếp tục quy trữ số tiền 3000.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị T đã nộp tại biên lai thu số 08939 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận S để đảm bảo thi hành án cho bị cáo.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân quận S;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận S;
- Công an quận S;
- Người tham gia tố tụng;

- Lưu hồ sơ;

Võ Thị Phước Hòa